

# TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH GIA SÚC, GIA CẦM

**N**gày 12/10/2015, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Cao Đức Phát đã ký Công điện khẩn số 8385/CE-BNN-TY gửi Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm. Nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với các tỉnh, thành phố đang có ổ dịch
  - a. Củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch để chỉ đạo, điều hành chung; công bố dịch theo đúng quy định; lấy mẫu gửi phòng xét nghiệm để chẩn đoán xác định bệnh. Tập trung mọi nguồn lực nhanh chóng bao vây, dập tắt ổ dịch; tiêu hủy đàn gia cầm mắc bệnh, cách ly triệt để và đánh dấu trâu bò mắc bệnh để quản lý; giao cho chính quyền cấp xã, thôn quản lý chặt ổ dịch; tổ chức vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, khu vực có ổ dịch; tổ chức tiêm phòng vắc-xin bao vây dịch.
  - b. Quản lý chặt chẽ hoạt động giết mổ động vật nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với những tổ chức, cá nhân vận chuyển, giết mổ, buôn bán động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật nhiễm mầm bệnh, làm lây lan dịch bệnh.
  - c. Thành lập các chốt kiểm dịch tạm thời để ngăn chặn, kiểm soát việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật mắc bệnh ra ngoài vùng có ổ dịch; đồng thời tiến hành tiêu độc, khử trùng các phương tiện giao thông đi qua khu vực có ổ dịch.
2. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT chủ động phối hợp với các sở, ngành của địa phương để rà soát, bổ sung kinh phí bảo đảm cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh

trong năm 2015; đồng thời khẩn trương xây dựng, phê duyệt kế hoạch chủ động phòng chống dịch bệnh động vật năm 2016 (bao gồm kế hoạch chi tiết về kinh phí, nguồn lực, trang thiết bị, dụng cụ, kế hoạch dự phòng vắc-xin, kế hoạch xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh; các mục tiêu, nội dung, giải pháp, hoạt động cụ thể trong công tác phòng chống dịch, đặc biệt là hoạt động lấy mẫu giám sát chủ động;...) và gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Thú y) trước ngày 31/10/2015.

3. Chỉ đạo tăng cường công tác tiêm phòng vắc-xin, tiêm đúng đối tượng, sử dụng chủng loại vắc-xin phù hợp, bảo đảm tiêm đúng kỹ thuật, tiêm phòng đạt tỷ lệ theo quy định.

4. Tăng cường công tác giám sát lâm sàng, phát hiện sớm ổ dịch để xử lý kịp thời, áp dụng các biện pháp chống dịch quyết liệt dập tắt nhanh ổ dịch khi dịch còn ở diện hẹp. Tăng cường công tác giám sát chủ động, tổ chức lấy mẫu để xét nghiệm, cảnh báo dịch.

5. Chủ động triển khai các biện pháp nhằm kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, buôn bán, giết mổ động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn; các tỉnh biên giới chú trọng công tác phòng, chống nhập lậu động vật, sản phẩm động vật qua biên giới.

6. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về sự nguy hiểm của dịch bệnh động vật, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, nhân dân trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật. Chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí địa phương giành thời lượng thích hợp để tuyên truyền ■

**BBT (gt)**

# HỘI CHỢ NÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI vùng Tây Bắc 2015

Từ ngày 23 - 27/9/2015, tại Trung tâm Văn hóa thể thao thanh thiếu nhi tỉnh Tuyên Quang, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với ủy ban Nhân dân tỉnh Tuyên Quang tổ chức Hội chợ Nông nghiệp và Thương mại vùng Tây Bắc 2015.

Hội chợ là hoạt động khuyến nông thường xuyên năm 2015 do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Thương mại Nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức. Thông qua đó giúp đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền khuyến nông, xúc tiến thương mại, thúc đẩy hoạt động trao đổi mua bán sản phẩm, trang thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, giới thiệu các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Với chủ đề: “Liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất để ngành nông nghiệp phát triển bền vững”, Hội chợ là hoạt động có ý nghĩa lớn của ngành nông nghiệp tiến tới chào mừng 70 năm thành lập Bộ Canh nông, đồng thời gắn với chuỗi các sự kiện quan trọng của tỉnh Tuyên Quang như: Lễ hội Thành Tuyên năm 2015, Liên hoan nghệ thuật hát Then, đàn Tính các dân tộc Tày - Nùng - Thái toàn quốc lần thứ V năm 2015.

Tham gia Hội chợ có hơn 100 gian hàng, trong đó hơn 90 gian hàng nông nghiệp của các viện, trường, trung tâm nghiên cứu; sở nông nghiệp và PTNT, trung tâm khuyến nông các tỉnh, thành phố phía Bắc và một số tỉnh miền Trung, miền Nam; các doanh nghiệp, HTX, trang trại... Các gian hàng tập



Các đại biểu danh dự cắt băng khai mạc Hội chợ

trung trưng bày, giới thiệu nhiều sản phẩm từ máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; công nghệ sinh học, giống cây trồng, vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, sinh vật cảnh; sản phẩm hàng hóa nông lâm sản đến các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu.

Trong khuôn khổ Hội chợ còn diễn ra chương trình Nhịp cầu nhà nông vào ngày 24/9, với chủ đề “Phát triển bền vững sản phẩm nông nghiệp vùng” với sự tham dự của trên 300 đại biểu là nông dân, chủ trang trại, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp cơ sở của tỉnh Tuyên Quang. Đã có trên 70 lượt câu hỏi được các chuyên gia trả lời cho bà con tại chương trình xoay quanh các vấn đề chăn nuôi trâu, lợn an toàn, phòng trừ bệnh dịch trên gia súc, gia cầm; những vướng mắc về kỹ thuật, bệnh dịch trên một số đối tượng thủy sản nước ngọt; phòng trừ sâu bệnh, hại trên chè và cây có múi; tiêu thụ và xây dựng thương hiệu...

Ngoài ra, khoảng 500 nông dân tiêu biểu thuộc các huyện của tỉnh Tuyên Quang đã được tổ chức đến tham quan, học tập tại Hội chợ. Kết thúc Hội chợ, Ban tổ chức đã trao Giấy khen cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc trong quá trình tham gia Hội chợ.

**ĐỖ TUẤN**

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia



Ban cố vấn Chương trình Nhịp cầu nhà nông trao đổi trực tiếp với bà con nông dân tại Hội chợ

# DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP: \* “MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÒNG TRỊ BỆNH HẠI TRÊN CÂY ĂN TRÁI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG”

Nhằm giúp các nhà vườn ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) kịp thời phòng, chống dịch hại trên cây ăn trái, ngày 22/9/2015 Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT Tiền Giang tổ chức Diễn đàn @ Nông nghiệp với chuyên đề “Một số giải pháp phòng trị bệnh hại trên cây ăn trái vùng ĐBSCL”. Diễn đàn thu hút hơn 300 đại biểu, cán bộ, bà con nông dân trồng cây ăn trái của 10 tỉnh vùng ĐBSCL đến tham dự.

## Thực trạng và thách thức

Phát biểu tại Diễn đàn, TS. Phan Huy Thông - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đánh giá: ĐBSCL không chỉ nổi tiếng là vựa lúa hàng hóa; vựa tôm, cá của cả nước mà còn có thể mạnh đặc biệt về cây ăn trái. Ước tính toàn vùng hiện có gần 300 ngàn ha cây ăn trái các loại, sản lượng khoảng 3,5 triệu tấn/năm, chiếm khoảng 38% về diện tích và 44% về sản lượng của cả nước. Vùng hội đủ những điều kiện về thổ nhưỡng, nguồn nước, khí hậu... để trồng cây ăn quả 4 mùa. Cùng với việc áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật, các nhà vườn vùng ĐBSCL đã nâng cao hiệu quả trong sản xuất, tạo nguồn nông sản tiêu dùng và xuất khẩu ổn định. Hiện nay, diện tích cây ăn trái ngày càng được mở rộng, hình thành những vùng chuyên canh cây ăn trái đặc sản với những thương hiệu nổi tiếng như: bưởi Năm Roi - Vĩnh Long; bưởi Da Xanh - Bến Tre; quýt Hồng Lai Vung - Đồng Tháp; cam Mật Phong; thanh long ở Tiền Giang và Long An... Bấy tháng đầu năm 2015, ĐBSCL đã xuất khẩu sang Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc trên 160.000 tấn trái cây đặc sản, giá trị xuất khẩu đạt 1,001 tỷ USD.

Tuy nhiên, diện tích sản xuất cây ăn quả vùng ĐBSCL đang tăng lên khó kiểm soát. Các loại dịch hại nguy hiểm xuất hiện ngày càng nhiều. Đến hết tháng 8/2015, nhiều diện tích cây ăn trái nhiễm sâu, bệnh rất nặng, chủ yếu là: Bệnh đốm nâu gây hại 8.697 ha thanh long tại các tỉnh Bình Thuận, Long An và Tiền Giang; bệnh chổi rồng hại 13.225 ha nhãn tại các tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh; bệnh Greening gây hại cục bộ trên 4.673 ha cây có múi, nhiễm nặng tại các tỉnh Hậu Giang, Tiền Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Cần Thơ.... Tình hình dịch bệnh phức tạp đã gây không ít khó khăn cho công tác bảo vệ thực vật trên cây trồng.

## Đề xuất các giải pháp

TS. Võ Mai - Phó Chủ tịch Hội Làm vườn Việt Nam cho rằng, trong 7 tháng đầu năm 2015 giá trị xuất khẩu của ngành trái cây đạt trên 1 tỷ USD là một bước tiến bộ, tuy nhiên so với mặt bằng chung thì chưa xứng tầm. Điểm yếu của ngành trái cây trong thời gian qua là doanh nghiệp chưa liên kết chặt với nông dân trong việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Bài toán cần giải trong thời gian tới là các địa phương cần tổ chức nông dân sản xuất cây ăn trái thành tổ hợp tác, HTX để sản xuất theo tiêu chuẩn GAP và phải có sự gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp trong khâu tiêu thụ sản phẩm.

ThS. Nguyễn Văn Hòa - Viện trưởng Viện Cây ăn quả miền Nam đưa ra giải pháp phòng trừ trên cây có múi là loại bỏ cây bệnh, sử dụng giống cây sạch bệnh, biện pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) để diệt trừ trung gian truyền bệnh là rầy chổng cánh mang lại hiệu quả gián tiếp tránh nhiễm. Ngoài ra, chiến lược phòng trừ mới là trồng xen cây trồng khác, dinh dưỡng hợp lý, thay đổi thời vụ trồng, trồng thưa, xử lý thuốc trừ sâu lưu dẫn trên cây giống sạch bệnh trước khi trồng. Những nguyên nhân dẫn đến thất bại trong phòng chống dịch bệnh vàng lá Greening trên cây có múi trong thời gian qua là thiếu trầm trọng nguồn giống cây sạch bệnh. Hệ thống sản xuất và cung ứng giống cây sạch bệnh chưa được tổ chức và hoạt động hiệu quả do nguồn vốn xây dựng hạ tầng cơ sở cao, tăng giá thành sản xuất. Kiến thức phòng trị bệnh cho cây ăn trái của nông dân còn thấp, tự phát, mất niềm tin. Nông dân chưa mạnh dạn đốn bỏ cây bệnh trước khi trồng lại cây sạch bệnh; chưa nhận thức rõ tác hại của rầy chổng cánh nên việc áp dụng các biện pháp phòng trừ kém; trồng dày; thiếu hệ thống cây chắn gió, lượng phân bón và thuốc áp dụng thuần túy, khai thác triệt để sức sinh sản của cây, lạm dụng phân hóa học...

Đến nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các Quy trình kỹ thuật phòng chống bệnh chổi rồng hại nhãn thay thế quy trình tạm thời; Cục Bảo vệ thực vật đã ban hành Quy trình kỹ thuật phòng chống bệnh đốm nâu hại thanh long thay thế quy trình tạm thời. Vì vậy, diện tích nhiễm bệnh nặng đã giảm rõ rệt, bệnh cơ bản được khống chế và tỷ lệ nhiễm bệnh trong mùa mưa 2015 chỉ còn 15 - 20%/ đơn vị diện tích. Quá trình đẩy mạnh sản xuất theo các tiêu chuẩn GAP cũng là một giải pháp quản lý dịch bệnh có hiệu quả trong thời gian tới. ■

**XUÂN MINH**

*Trung tâm Khuyến nông Quốc gia*

## \* “PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẠI GIA SÚC THEO HƯỚNG AN TOÀN, BỀN VỮNG VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC”



Toàn cảnh Diễn đàn

Sáng ngày 6/10/2015, tại Yên Bái, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với UBND tỉnh Yên Bái tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp, chủ đề “Phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng an toàn, bền vững vùng trung du miền núi phía Bắc (TDMNPB)”. Diễn đàn thu hút sự tham gia của hàng trăm đại biểu, trong đó có đông đảo bà con nông dân trong vùng.

Phát biểu khai mạc Diễn đàn, TS. Phan Huy Thông - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia cho biết: “TDMNPB là nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc chăn thả gia súc quy mô lớn và cũng có số lượng đàn gia súc lớn (trâu, bò, dê, ngựa) chiếm tỉ lệ cao so với cả nước (chiếm 46,2% năm 2014). Tuy nhiên, nghịch lí là mặc dù có điều kiện chăn nuôi rất tốt, tổng đàn gia súc trong vùng lớn nhưng việc chăn nuôi chưa hiệu quả, sản lượng thịt gần thấp nhất cả nước”. Vùng TDMNPB có nguồn thức ăn xanh dồi dào với nhiều đồng cỏ lớn nhưng khí hậu lại khắc nghiệt vì mùa đông lạnh khiến thức ăn cạn kiệt và làm chết trâu, bò. Mặc dù bà con trong vùng có truyền thống chăn nuôi gia súc lâu đời nhưng do tập quán chăn thả tự nhiên, chưa có kỹ thuật tránh rét, che chắn cho đàn trâu bò nên hàng năm nơi đây vẫn có tỉ lệ gia súc bị chết đói, chết rét cao nhất cả nước.

Nguyên nhân là do giống gia súc (giống địa phương, tỉ lệ lai thấp, phát triển kém), tập quán nuôi nhốt của bà con, nguồn thức ăn dự trữ hạn chế, chống rét kém kèm theo dịch bệnh lớn xảy ra (lở mồm long móng, tụ huyết trùng,...). Phương thức chăn nuôi chủ yếu vẫn là quảng canh, nhỏ lẻ nên khó quản lí, kiểm soát dịch bệnh, làm giảm hiệu

quả chăn nuôi. Bà con vẫn giữ thói quen chăn nuôi truyền thống, chưa có kiến thức về thị trường, xuất bán không có kế hoạch, khi nào cần tiền hoặc thấy được giá thì bán.

Để khắc phục những khó khăn đó, việc cần làm ngay là phải thay đổi nhận thức, suy nghĩ của bà con, chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang tập trung quy mô lớn để dễ quản lý về môi trường, thú y, dễ kiểm soát dịch bệnh. Tăng cường công tác khuyến nông từ trung ương đến địa phương nhằm chuyển giao tiến bộ kĩ thuật, nâng cao trình độ cho bà con để chăn nuôi đạt hiệu quả. Mặt khác, cần tăng cường chính sách xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ chăn nuôi, sản xuất cho bà con trong vùng.

Tại Diễn đàn, các đại biểu quan tâm đặt gần 60 câu hỏi đến Ban chủ tọa và Ban cố vấn Diễn đàn, nội dung xoay quanh các vấn đề về chính sách hỗ trợ chăn nuôi đại gia súc, hỗ trợ con giống, vắc-xin tiêm phòng, thủ tục vận chuyển, phí và các loại phí giết mổ, kỹ thuật chăn nuôi, kỹ thuật phòng trừ và phát hiện một số bệnh thường gặp, thông tin thị trường...

Kết thúc Diễn đàn, TS. Phan Huy Thông cho biết: Trung tâm Khuyến nông Quốc gia sẽ tiếp tục tổ chức những diễn đàn, lớp tập huấn, phát triển các mô hình chăn nuôi nhằm hỗ trợ bà con kỹ thuật chăn nuôi đúng, hiệu quả, an toàn và bền vững. Thông qua Diễn đàn, sẽ kết nối bà con với các doanh nghiệp, nhà cung ứng đầu vào để phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa, giúp bà con có kiến thức thị trường, kiến thức thú y để chăn nuôi hiệu quả■

**NGUYỄN XUÂN MINH**

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia



Các đại biểu tham quan sản phẩm trưng bày tại Diễn đàn

## \* “SẢN XUẤT CÁ TRA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG”

Nhằm tìm ra giải pháp phát triển bền vững ngành cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), ngày 9/10/2015, tại tỉnh Đồng Tháp, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Tháp tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp chuyên đề “Sản xuất cá tra theo chuỗi giá trị vùng ĐBSCL”. Diễn đàn thu hút đông đảo bà con ngư dân nuôi cá tra các tỉnh Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, An Giang, Cần Thơ và các nhà quản lý, nhà khoa học tham dự.

Theo Tổng cục Thủy sản, đến giữa tháng 6/2015, diện tích nuôi thả mới cá tra là 1.959 ha (tăng 0,21% so với cùng kỳ), diện tích thu hoạch là 1.857 ha (giảm 0,51% so với cùng kỳ). Hiện nay, diện tích nuôi cá tra vùng ĐBSCL đạt 5.500 ha. Trong những năm qua, xuất khẩu cá tra tăng trưởng cao, đóng góp rất lớn vào tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản. Tuy nhiên, thời gian gần đây cá tra mất dần thị trường do cạnh tranh dẫn đến người nuôi bị thua lỗ. Khó khăn chủ yếu là chi phí sản xuất tăng, tỷ lệ sống thấp, tỷ lệ hao hụt cao. Nhiều địa phương nuôi ồ ạt không có quy hoạch, cơ cấu sản phẩm không hợp lý, chất lượng giảm sút. Trong khi đó sản phẩm cá tra Việt Nam xuất khẩu gặp nhiều thử thách về dư lượng kháng sinh trong sản phẩm, rào cản kỹ thuật, chính sách thương mại... Giá trị của sản xuất cá tra không cao hoặc thua lỗ do giá bán thấp hơn giá thành.

Tại Diễn đàn, các đại biểu, bà con nông ngư dân đặt nhiều câu hỏi và đã được các nhà quản lý, nhà khoa học phân tích và đưa ra giải pháp cho doanh nghiệp và người nuôi cá tra. Nội dung chủ yếu gồm các vấn đề: Chất lượng sản phẩm cá tra Việt Nam hiện nay; Làm thế nào để hạ giá thành sản phẩm; Xây dựng thương hiệu cá tra Việt Nam; Điều kiện và yêu cầu để nuôi cá tra theo chuỗi giá trị...

Về vấn đề giảm tỷ lệ hao hụt trong nuôi cá tra, đại diện Ban cố vấn trả lời, nguyên nhân tỷ lệ hao hụt cao là do chất lượng con giống chưa sạch bệnh, người nuôi sử dụng kháng sinh quá mức cho phép, thay đổi môi trường sống và ô nhiễm nguồn nước. Người nuôi phải có thông tin chính xác về những cơ sở sản xuất giống uy tín, đảm bảo chất lượng con giống. Để nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm



Ban chủ tọa, Ban cố vấn Diễn đàn

bảo sản lượng cá tra nguyên liệu, đồng thời nâng cao giá trị kinh tế, giảm thiểu hao hụt, thua lỗ thì việc liên kết chuỗi giá trị cá tra từ sản phẩm đầu vào đến chất lượng đầu ra là rất quan trọng. Trong chuỗi giá trị này doanh nghiệp đóng vai trò quyết định. Người nuôi tự lo vốn đầu tư, doanh nghiệp đầu tư một phần và thu mua sản phẩm với giá bán theo thị trường, đảm bảo người nuôi luôn có lãi từ 500 - 1.500 đồng/kg.

Ông Như Văn Cẩn - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Tháp cho biết, hơn 3 năm nay, giá cá tra biến động khiến người nuôi thua lỗ từ 1.000 - 2.000 đồng/kg. Trước tình hình này, nhiều mô hình thực hiện liên kết chuỗi giá trị với Công ty Vĩnh Hoàn, Hùng Cá, Hoàng Long... bước đầu mang lại hiệu quả và luôn giúp người nuôi có lợi nhuận từ 700 đồng/kg trở lên.

Kết luận Diễn đàn, ông Kim Văn Tiêu - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia nhấn mạnh, để cá tra Việt Nam phát triển bền vững thì phải thực hiện sản xuất theo chuỗi liên kết. Trong chuỗi liên kết này cần sự hợp tác chặt chẽ giữa doanh nghiệp và người nuôi. Cốt lõi là kỹ thuật nuôi, giá trị của chuỗi liên kết sẽ có giá trị tăng lên nhờ giải pháp quan trọng là tăng cường nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP, áp dụng sản phẩm vi sinh để đảm bảo chất lượng xuất khẩu. Sản xuất cá tra bền vững là một trong những mục tiêu hướng đến hội nhập TPP trong tương lai ■

VŨ TIẾT SƠN

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

# Lào Cai: HIỆU QUẢ MANG LẠI TỪ CÂY ỚT MƯỜNG KHƯƠNG



Anh Pờ Khải Hùng, thôn Di Thành, xã Tung Chung Phố, huyện Mường Khương đang kiểm tra nương ớt chuẩn bị thu hoạch

Mường Khương là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lào Cai và thuộc 62 huyện nghèo của cả nước. Với đặc thù là huyện thuần nông, trên 90% dân số sống ở nông thôn, thu nhập chủ yếu nhờ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp là chính. Vì vậy, huyện đã chú trọng chỉ đạo quy hoạch vùng nguyên liệu và sản xuất hàng hóa tập trung gắn với bảo quản chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Trong đó, cây ớt là một trong những cây trồng trọng điểm được huyện đầu tư phát triển để hình thành vùng hàng hóa mang tính chất truyền thống của huyện. Toàn bộ diện tích ớt được trồng tập trung trên đất nương đồi, phần lớn trồng tại khu vực vùng thấp gồm các xã Bản Lầu, Lũng Vai, Bản Xen, Thanh Bình và khu vực trung tâm huyện

gồm xã Năm Lư, Tung Chung Phố và thị trấn Mường Khương.

Năm 2015, toàn huyện trồng khoảng 170 ha ớt. Mặc dù thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp như khô hạn kéo dài nhưng do được bà con nông dân quan tâm chăm sóc nên cây ớt sinh trưởng, phát triển khá tốt, sai quả. Hiện nay, diện tích trồng sớm đang thu hoạch (thời gian thu hoạch giống ớt bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 10 hàng năm). Ớt thu hoạch đến đâu được tiêu thụ hết đến đó, chủ yếu tiêu thụ qua các kênh chính là: Hợp tác xã kinh doanh tổng hợp Mường Khương và các hộ sản xuất tương ớt tại trung tâm thị trấn Mường Khương thu mua chế biến sản phẩm tương ớt. Giá bán dao động từ 23.000 - 25.000 đồng/kg, năng suất ước khoảng 4,5 tấn/ha, sản lượng ước đạt 765 tấn.

Các cơ quan chuyên môn trên địa bàn huyện đã hướng dẫn, tuyên truyền và vận động người trồng tổ chức thu hoạch ớt quả tập trung, đúng độ chín; áp dụng các biện pháp kỹ thuật để bảo quản ớt, góp phần nâng cao chất lượng của quả, giảm tổn thất sau thu hoạch. Tuyệt đối không sử dụng các loại thuốc hoá chất thuộc danh mục cấm trong bảo quản quả ớt tươi sau thu hoạch.

Sản phẩm ớt quả của huyện có ưu thế bởi có màu sắc đỏ vàng đẹp, hương thơm và vị cay đặc trưng, thịt quả dày, độ đặc, độ mịn phù hợp để sản xuất tương ớt và quan trọng hơn đảm bảo về chất lượng sử dụng do không có thuốc kích thích sinh trưởng, phát triển cũng như không có thuốc bảo quản nên được người tiêu dùng ưa chuộng, nâng cao uy tín chất lượng thương hiệu, giúp mở rộng thị trường tiêu thụ.

Có thể nói, mô hình trồng ớt tại huyện Mường Khương đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên một đơn vị diện tích đất canh tác, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, thúc đẩy tốc độ giảm nghèo nhanh và bền vững. Ngoài ra, thông qua việc trồng ớt, chính quyền địa phương đã vận động nhân dân thu gom phân chuồng góp phần vệ sinh thôn bản, tăng độ phì cho đất, bảo đảm canh tác bền vững. ■

**LÒ THỊ MAI**

Trạm Khuyến nông  
huyện Mường Khương, Lào Cai

# Thái Nguyên: HIỆU QUẢ TỪ TRỒNG XEN BA KÍCH DƯỚI TÁN RỪNG



Cây ba kích trồng tại huyện Định Hóa

**Đ**ịnh Hóa là huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên, là nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển các loại cây dược liệu. Ba kích là cây dược liệu quý, có tác dụng bổ trí não, trợ dương, mạnh gân cốt... Trước đây, ba kích mọc tự nhiên trong rừng, tuy nhiên do việc khai thác quá mức đã khiến loài cây này ngày càng khan hiếm. Những năm qua, nhiều hộ nông dân đã tự học hỏi ương, trồng cây ba kích nhưng do tự phát, diện tích nhỏ, manh mún lại thiếu cây giống tốt, thiếu kỹ thuật nên hiệu quả thấp.

Để tạo điều kiện giúp người nông dân được tiếp cận với khoa học công nghệ, đồng thời phát huy lợi thế, tiềm năng đất đai, cây trồng của địa phương, khôi phục, bảo tồn và phát triển nguồn dược liệu quý bền vững; từ tháng 5/2012, ủy ban Nhân dân huyện Định Hóa phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên triển khai dự án "Xây dựng mô hình trồng cây ba kích tại huyện Định Hóa giai đoạn 2012 - 2015". Ban chủ nhiệm dự án đã phối hợp với Viện Khoa

học Sự sống - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên chuyển giao công nghệ, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ khuyến nông và bà con nông dân; Trạm Khuyến nông huyện Định Hóa trực tiếp triển khai mô hình tại xã Lam Vỹ, quy mô 15 ha, sử dụng giống ba kích tím được nhân giống từ hom thân, có 25 hộ nông dân tham gia; Phương thức chủ yếu trồng xen ba kích dưới tán rừng keo, mỗi trồng 2 - 3 năm tuổi; số còn lại trồng thâm canh trên đất bãi, vườn....

Sau 3 năm thực hiện cho thấy phương thức trồng dưới tán rừng keo, mỗi giai đoạn đầu cây sinh trưởng phát triển khá tốt, từ năm thứ 2 trở đi cây phát triển chậm hơn cây trồng thâm canh. Năm thứ 3 tỷ lệ sống đạt hơn 80%; chiều dài củ từ 10 - 20 cm, đường kính 5 - 7 mm; khối lượng củ ước đạt 0,5 - 0,8 kg/gốc, một số diện tích trồng trên đất bãi, vườn... do đất tơi xốp, người dân có điều kiện chăm sóc (trồng đánh luống, làm giàn cho ba kích leo, làm cỏ, tưới nước...) cây sinh trưởng

tốt hơn, số lượng củ trên gốc cao, kích thước củ lớn, đạt 1,2 - 1,5 kg/gốc.

Hiện nay, giá bán ba kích tím được liệu tại địa phương khoảng 100.000 đồng/kg; mỗi héc-ta người dân thu hoạch trên 132 triệu đồng. Theo các hộ nông dân thực hiện dự án, ba kích là cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên và phương thức canh tác trên địa bàn huyện Định Hóa. Mô hình đã làm thay đổi nhận thức của người nông dân từ sản xuất tự phát sang trồng tập trung, sản xuất hàng hoá. Trồng dưới tán rừng, ba kích có điều kiện phát triển giống trong tự nhiên nên chất lượng tốt, sản phẩm được người tiêu dùng ưa chuộng, giá bán cũng cao hơn trồng thâm canh. Sau khi thu hoạch ba kích người dân vẫn giữ nguyên thu nhập từ cây keo, mỡ... Trồng cây ba kích sẽ trở thành một nghề có triển vọng tại địa phương, góp phần phát triển kinh tế vườn rừng, nâng cao đời sống, xoá đói giảm nghèo cho nông dân miền núi.

Từ kết quả đạt được, ông Hoàng Văn Sơn - Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Định Hóa cho biết: Thời gian tới huyện tiếp tục chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, Ủy ban Nhân dân các xã phối hợp tuyên truyền mở rộng quy mô trồng cây ba kích, phát triển thành vùng nguyên liệu hàng hóa. Trạm Khuyến nông huyện tiếp tục hướng dẫn bà con nông dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình; theo dõi tính phù hợp của cây ba kích để tìm ra phương thức trồng phù hợp, hiệu quả nhất; hướng dẫn các hộ nhân giống ba kích từ cây bố mẹ được trồng từ dự án để cung cấp cây giống cho các hộ khác cùng nhân rộng mô hình■

**DƯƠNG TRUNG KIÊN**

*Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên*

# Phú Thọ: HIỆU QUẢ CỦA MÔ HÌNH vỗ béo bò thịt trong nông hộ



Cán bộ kỹ thuật kiểm tra và hướng dẫn chủ hộ nuôi bò vỗ béo theo quy trình

Năm 2015, được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông Phú Thọ triển khai dự án “Xây dựng mô hình cải tạo chất lượng đàn bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và vỗ béo bò thịt trong nông hộ” tại xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê và xã Sơn Hùng, huyện Thanh Sơn với quy mô 154 con, 60 hộ tham gia mô hình.

Trước khi triển khai mô hình, Trung tâm Khuyến nông Phú Thọ phối hợp với các Trạm Khuyến nông huyện, lãnh đạo và cán bộ khuyến nông địa phương rà soát, lựa chọn địa điểm, chọn hộ tham gia mô hình. Đồng thời, tổ chức lớp tập huấn nhằm trang bị kiến thức cơ bản cho bà con nông dân thực hiện mô hình như: Kỹ thuật làm chuồng trại; Phương pháp trồng và chế biến một số loại

thức ăn nuôi bò; Kỹ thuật vỗ béo bò theo từng giai đoạn; Kỹ thuật phòng và trị một số bệnh thường gặp ở bò; Quản lý đàn bò và cách tính hiệu quả kinh tế.... Vì vậy, các hộ gia đình rất quan tâm và nhiệt tình tham gia mô hình.

Sau khi đã được tẩy các loại ký sinh trùng, tháng 6 năm 2015 đàn bò trong mô hình bắt đầu được thực hiện nuôi theo quy trình vỗ béo. Trong quá trình triển khai thường xuyên có cán bộ kỹ thuật kiểm tra, hướng dẫn các hộ thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật. Kết quả sau 3 tháng nuôi vỗ béo, bò tăng trọng bình quân 22,5 kg/con/tháng. Tính riêng từng đối tượng bò đưa vào vỗ béo cho thấy, với bò loại thái có tầm vóc to, tăng trọng bình quân 23,5 kg/con/tháng; cao hơn so với bê và bò đực (tăng trọng bình quân 21,5 kg/con/tháng).

Như vậy, sau 3 tháng nuôi vỗ béo, trừ chi phí mỗi con bò cho lãi từ 2,5 - 3,5 triệu đồng. Tăng hiệu quả kinh tế so với những hộ ngoài mô hình > 15%.

Ông Phan Trọng Uy, khu Đoàn Điền, xã Đồng Lương là một trong những hộ tham gia mô hình cho biết, trước đây ông vẫn nuôi bò vỗ béo nhưng chủ yếu chăn thả tự do và bổ sung bột ngô, bột sắn nên bò chỉ tăng được 10 - 15 kg/con/tháng. Từ khi tham gia mô hình, được tập huấn tôi đã nhận ra được sự cần thiết của việc tẩy giun sán cho bò trước khi đưa vào nuôi vỗ béo và nắm được kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng. Gia đình ông Uy nuôi 4 con bò vỗ béo, theo dõi hàng tháng thấy trọng lượng bò tăng cao hơn hẳn đàn bò ông nuôi theo phương pháp truyền thống. Thực hiện theo quy trình vỗ béo, mỗi tháng bò nhà ông tăng trọng từ 21 - 23 kg/con, có con tăng 25 kg/tháng.

Với những kết quả bước đầu cho thấy mô hình vỗ béo bò thịt trong nông hộ thuộc dự án “Xây dựng mô hình cải tạo chất lượng đàn bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và vỗ béo bò thịt trong nông hộ” triển khai tại tỉnh Phú Thọ không những đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, tăng thu nhập mà còn giúp người dân thay đổi nhận thức, tập quán chăn nuôi, dần hình thành vùng sản xuất chăn nuôi tập trung■

**LÊ THỊ KIM DUNG**

Trung tâm Khuyến nông Phú Thọ



# Thanh Hóa: CHUYỂN ĐỔI ĐẤT LÚA KÉM HIỆU QUẢ SANG TRỒNG RAU MÀU GIẢI PHÁP TĂNG HIỆU QUẢ SẢN XUẤT



Mô hình trồng khoai tây trên đất lúa kém hiệu quả tại thôn Châu Chương, xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa

Những năm gần đây, Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa đã triển khai các mô hình chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây rau màu có giá trị kinh tế cao, đã đem lại kết quả rõ rệt so với trồng lúa.

Hiện nay, lúa là cây trồng chính, chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu cây trồng của tỉnh Thanh Hóa (tổng diện tích gieo trồng cả năm khoảng 252.000 ha). Tuy nhiên, việc sản xuất lúa trên các diện tích đất kém hiệu quả do một số nguyên nhân như đất đai không phù hợp, thiếu nước tưới, ngập úng thường xuyên, nhiễm mặn... Trước thực trạng đó, các cấp, các ngành và chính quyền địa phương đã nỗ lực để tìm giải pháp chuyển đổi từ trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây rau màu có giá trị kinh tế, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất cho người dân. Những năm gần đây, Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa đã triển khai các mô hình chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng các cây rau màu có giá trị kinh tế cao. Sau khi triển khai đã cho thấy hiệu quả rõ rệt các mô hình chuyển đổi này so với trồng lúa.

Điển hình, vụ xuân năm 2014 - 2015, được sự hỗ trợ từ nguồn vốn của Ngân hàng Thế giới (WB), Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa đã triển khai thực hiện lớp tập huấn ICM trên cây khoai tây tại thôn Châu Chương, xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, đồng

thời xây dựng ruộng thực nghiệm trên chân đất lúa kém hiệu quả tại địa phương này nhằm đánh giá hiệu quả trong sản xuất khoai tây so với trồng lúa. Sau khi trừ chi phí, hiệu quả mang lại trong sản xuất khoai tây so với trồng lúa đạt được là 1.385.000 đồng/sào (500 m<sup>2</sup>). Không những vậy, điểm trình diễn còn khẳng định được hiệu quả về môi trường nhờ giảm được lượng phân bón hóa học dư thừa trên đồng ruộng, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật, sử dụng nước hiệu quả hơn, nước sử dụng cho khoai tây ít hơn nhiều so với sản xuất lúa, từ đó hạn chế gây ô nhiễm môi trường, giảm khí phát thải gây hiệu ứng nhà kính,...

Như vậy, có thể khẳng định rằng, việc chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang trồng rau màu có giá trị kinh tế cao là hết sức thiết thực, nhằm thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, để thực hiện thành công chủ trương trên thì việc đầu tiên cần làm hiện nay là phải tìm được đầu ra cho sản phẩm, đồng thời quy hoạch lại vùng sản xuất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kênh mương cấp thoát nước và đầu tư hơn nữa trong công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị thu nhập cho các hộ nông dân tại địa phương. ■

**MẠNH HÙNG**

Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa

# Quảng Bình: Hiệu quả mô hình nuôi cá chim vây vàng thương phẩm



Các đại biểu tham quan mô hình nuôi cá chim vây vàng tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn

Nhằm đa dạng hóa các đối tượng nuôi, chuyển đổi diện tích nuôi tôm lâu năm kém hiệu quả sang nuôi các đối tượng mới có giá trị kinh tế cao góp phần phát triển bền vững nghề nuôi cá mặn ở địa phương, vừa qua, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng Bình phối hợp cùng Trạm Khuyến nông thị xã Ba Đồn triển khai nhân rộng mô hình nuôi cá chim vây vàng thương phẩm với quy mô 2.000 m<sup>2</sup> tại phường Quảng Thuận.

Qua theo dõi sau gần 5 tháng nuôi, tỉ lệ sống cá chim vây vàng đạt trên 90%, không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra, tốc độ tăng trưởng giữa các tháng trung bình từ 30 - 50 g, đến thời điểm này trọng lượng trung bình đạt 200 g/con, số vượt đàn đạt 250 g/con. Sản lượng ước đạt 400 kg và với giá bán trên thị trường như hiện nay là 160.000 đồng/kg cho doanh thu 64.000.000 đồng, sau khi trừ các khoản chi phí đầu tư trực tiếp, hộ gia đình thu lãi gần 22.000.000 đồng. Đây là hiệu quả lớn trong bối cảnh nuôi tôm trước đây bị dịch bệnh thường xuyên xảy ra và lây lan nhanh gây tổn thất lớn cho người nuôi.

Có thể khẳng định, mô hình nuôi cá chim vây vàng thương phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cao, thành công của mô hình có ý nghĩa quan trọng trong việc thay đổi dần tập quán canh tác cũ, nâng cao hiệu quả sản xuất và đời sống cho bà con nông dân. Đồng thời bổ sung đối tượng nuôi mới, luân canh xen vụ với các đối tượng tôm, cua nhằm thay đổi môi trường nuôi, hạn chế dịch bệnh tiến tới nuôi bền vững, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người nuôi ■

**VÕ ĐẠI CHUNG**  
Trung tâm KNKN Quảng Bình

Thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long là một trong những đơn vị đi đầu trong công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn với nhiều kết quả nổi bật.

Xác định đào tạo nghề là một trong những nhiệm vụ chính, từ năm 2012 Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long bắt đầu thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn đã giúp người dân nâng cao trình độ kiến thức, kỹ thuật sản xuất - canh tác, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất. Cùng với việc phối hợp triển khai các dự án khuyến nông, công tác đào tạo nghề cho nông dân tham gia dự án đã mang lại hiệu quả cao vừa giúp nông dân học được một nghề phù hợp vừa giúp dự án đạt hiệu quả hơn khi trình độ kỹ thuật của nông dân được nâng cao.

Từ năm 2013, Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long được Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn. Trong 5 năm đầu thực hiện có nhiều vấn đề khá mới về công tác đào tạo nghề, đặc biệt là khâu quản lý còn chưa thống nhất nên Trung tâm không tránh khỏi trở ngại, khó khăn, nhưng với sự nỗ lực cố gắng của Trung tâm, lĩnh vực đào tạo nghề đã có nhiều chuyển biến đáng kể, đặc biệt là trong năm 2014.

Năm 2014, Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long tổ chức 9 lớp đào tạo nghề (đạt 100% kế hoạch) với 219 học viên tốt nghiệp (đạt 81,7% kế hoạch). Trong đó có 61 học viên thuộc đối tượng 1 (người có công với cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác); 7 học viên thuộc đối tượng 2 (hộ cận nghèo) và 151 học viên

# KHUYẾN NÔNG VĨNH LONG

## Với công tác đào tạo nghề nông nghiệp



Bà con nông dân tham gia lớp dạy nghề cho lao động nông thôn

là các đối tượng lao động nông thôn khác. Trung tâm luôn xác định, việc thực hiện công tác đào tạo nghề phải gắn với giải quyết việc làm. Do đó, những năm qua Trung tâm đã tăng cường thực hiện dạy nghề để nâng cao trình độ kiến thức, kỹ thuật sản xuất - canh tác đối với các nghề nông nghiệp, giúp học viên nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất, tạo thêm việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho nông dân. Tỷ lệ lao động có việc làm sau khi được hỗ trợ học nghề tính đến hết năm 2014 ước đạt trên 90%.

Do công tác đào tạo nghề gắn liền với nhu cầu thực tế của người dân nên từ những mô hình thực hành trong lớp học, học viên đã áp dụng thành công và nhân rộng thêm nhiều mô hình có hiệu quả khác. Cụ thể như lớp nghề "Nuôi và phòng trị bệnh cho gà" tại thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít đã mang lại việc làm cho 22 học viên, các hộ dân cũng

đã thành lập tổ hợp tác nuôi gà theo hướng an toàn sinh học. Nhận thấy được hiệu quả và khả năng nhân rộng của mô hình, Hội Nông dân đã hỗ trợ cho tổ hợp tác 1.000 con gà với giá trị 50 triệu đồng. Bên cạnh đó, Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long cũng rất chú ý đến việc dạy nghề cho đồng bào dân tộc. Trong năm 2014, trên địa bàn xã Tân Mỹ, huyện Trà Ôn - một xã nghèo có

nhều bà con dân tộc Khmer sinh sống, đơn vị đã tổ chức 2 lớp dạy nghề "Kỹ thuật đa canh tổng hợp VAC" cho 49 học viên, trong đó có 42 học viên là người Khmer. Lớp học hướng dẫn bà con "Mô hình nuôi lươn" đạt hiệu quả cao, nhiều bà con nhận thấy đây là mô hình nuôi phù hợp đã đầu tư thêm nhiều mô hình nuôi tại gia đình. Đến nay, đã thực hiện hơn 10 mô hình và nhiều bà con dân tộc Khmer cũng đang vay vốn để triển khai thêm nhiều mô hình nữa.

Phát huy những kết quả đã đạt được, Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long luôn nỗ lực để hoạt động đào tạo nghề của đơn vị đạt được nhiều thành quả đáng kể, nhất là việc giúp người dân chuyển biến tích cực trong tư duy sản xuất, đã và đang giúp họ tự làm giàu ngay trên mảnh vườn thừa ruộng của mình.■

**TRƯƠNG THỊ MỸ LỘC**

Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long



## Bình Phước:

# KINH NGHIỆM TRỒNG NHẪN TIÊU DA BÒ

**T**hanh Lương là xã trọng điểm về diện tích trồng cây ăn quả của thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Nơi đây trồng nhiều loại cây như: nhãn, quýt đường, cam, bưởi, chanh; trong đó diện tích nhãn chiếm khoảng 400 ha tập trung chủ yếu ở ấp Thanh An với nhiều hộ có diện tích trồng nhãn lớn, cho năng suất, chất lượng cao. Sau đây chúng tôi xin chia sẻ một số kinh nghiệm trồng và chăm sóc vườn nhãn của anh Trần Tuấn Dũng, trưởng ấp Thanh An, nông dân trồng nhãn điển hình trong vùng, để bà con nông dân tham khảo áp dụng.

Hiện nay, anh Dũng có 5 ha nhãn 13 - 14 tuổi, năng suất trung bình 100 kg/cây. Ngoài ra, anh còn có 500 gốc bưởi, 600 gốc cam sành, 1.000 gốc quýt đường. Trong đó bưởi, cam, quýt vừa trồng xen vừa trồng thuần cho năng suất, chất lượng rất cao mà không ảnh hưởng tới cây nhãn. Riêng cây quýt trồng xen nhãn có cây cho thu nhập tới 4 triệu đồng/cây/năm. Hàng năm tổng thu nhập của gia đình anh khoảng gần 1 tỷ đồng. Với 15 năm trong nghề trồng nhãn, anh Dũng rút ra một số kinh nghiệm sau:

1. Trước tiên phải chọn giống phù hợp với chất đất. Giống nhãn anh trồng trong vườn là nhãn tiêu da bò cơm dày, khô ráo, trữ lượng đường không bị mất khi làm long nhãn, được các thương lái ưa chuộng (nhãn xuống cơm mỏng, ướt, khó làm long nhãn).

2. Mật độ: Ban đầu trồng mật độ 5 m x 5 m, sau tỉa cây còn khoảng cách 10 m x 10 m, tỉa tất cả các cành bị che khuất ánh sáng (vì thiếu ánh sáng những cành này không cho trái, tiêu tốn dinh dưỡng) và trồng xen cam, quýt đường, bưởi vào những chỗ này (do bưởi, cam quýt cần ít ánh sáng)

3. Chăm sóc: Bón cân đối phân NPK, đây là biện pháp quan trọng hàng đầu quyết định năng suất chất lượng của cây nhãn. Tùy theo sản lượng của từng cây mà số lượng phân bón khác nhau; trung bình sản lượng 100 kg/cây/năm anh bón 7 kg phân bón các loại (gồm NPK, phân chuồng, phân vi sinh). NPK dùng loại 20-20-15 chứ không dùng 16-16-8. Thực tế, anh chỉ dùng 3 loại chính đó là: Phân Nitrophoska 13-9-16-4 + 7S (4 là hàm lượng Mg); ENTEC 24-8-7-2S; và Canxium BORON cùng phân chuồng và phân vi sinh. Tuy nhiên, sử dụng 3 loại phân trên thì số lượng sẽ ít hơn là dùng NPK; chất lượng, tỷ lệ các thành phần đảm bảo hơn,

giá cả cũng cao hơn NPK (phân bón đảm bảo uy tín, chất lượng, đủ thành phần; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng). Khi trái nhãn còn nhỏ bón chủ yếu là phân Nitrophoska; khi trái nhãn lớn bón đồng thời 2 loại Nitrophoska và ENTEC. Trước khi thu hoạch khoảng 1 tuần thì bổ sung Canxium BORON để vỏ nhãn dày, không bị nứt, cành giòn dễ bẻ khi thu hoạch. Nếu bón phân không cân đối trái bị thâm đen, vỏ mỏng, dễ nứt.

4. Khi quả to gần bằng đốt ngón tay, anh Dũng bón phân tăng gấp 2 lần liều bình thường để tạo ra hiện tượng sốc sinh lý làm hầu hết các trái nhỏ chậm lớn bị rụng để tập trung chất dinh dưỡng nuôi các trái to còn lại.

5. Để hạn chế bệnh chổi rồng, khi cây ra đợt non, anh chăm sóc bón phân kịp thời đầy đủ để cây sinh trưởng phát triển tốt, tăng sức đề kháng. Đồng thời tính toán kỹ chu kỳ sinh trưởng và phát triển của nhện lông nhung (tác nhân gây bệnh chổi rồng) để dùng thuốc trị một cách triệt để. Chính vì vậy vườn nhãn của anh Dũng rất ít bị chổi rồng.

6. Hạn chế tối đa sử dụng thuốc trừ sâu bệnh. Chỉ sử dụng thuốc trừ sâu sinh học hoặc các loại thuốc khiến sâu ăn vào bị ngán và tự bỏ đi, dùng đèn dụ bướm trên mặt ao để thu bắt bướm để trứng. Hiện nay, anh đang thử nghiệm trồng 02 ha nhãn sạch không sử dụng thuốc trừ sâu.

7. Trồng xen quýt đường, cam, bưởi vào những chỗ ít ánh sáng trong vườn nhãn. Xử lý một số diện tích nhãn cho chín muộn để nâng cao giá bán, tăng thu nhập.

Điều băn khoăn, mong mỏi nhất của anh Dũng và bà con nông dân trồng nhãn trong vùng là các công ty cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phải đặt chất lượng lên hàng đầu để người nông dân tránh mua phải sản phẩm trôi nổi kém chất lượng; các cơ quan ban ngành liên quan cần quan tâm hơn nữa để tạo chỉ dẫn địa lý. Trong thời gian tới, địa phương cần thành lập tổ hợp tác, xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tiến tới thành lập hợp tác xã kiểu mới nhằm tạo thị trường tiêu thụ ổn định, tạo tính cạnh tranh, giúp nghề trồng nhãn ngày càng phát triển ổn định và bền vững.

**NGUYỄN THỊ HẠNH**

*Trạm Khuyến nông thị xã Bình Long, Bình Phước*

## LÀO CAI:

CHUYỆN MỘT NGƯỜI DAO  
LÀM KINH TẾ GIỎI

Đó là ông Bàn Văn Dục, năm nay trên 60 tuổi, người dân tộc Dao, ở bản Sáo, xã Xuân Hòa, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Gia đình ông đã gắn bó với nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm từ nhiều năm nay. Hiện gia đình ông nuôi 15 con trâu, 10 con lợn và hàng trăm con gà mái chuyên đẻ trứng, cùng đàn dê 25 con. Đàn dê, cứ 2 năm sinh sản 3 lứa, mỗi lứa dê đẻ từ 1 - 2 con, ông xuất bán con đực, giữ lại con cái làm giống sinh sản, vừa thu lợi nhuận vừa duy trì và gây dựng đàn.

Do điều kiện diện tích đất rộng nên mặc dù nuôi nhiều gia súc gia cầm nhưng vẫn đảm bảo mỗi loại vật nuôi được nuôi tách biệt nhau và luôn vệ sinh sạch sẽ. Để đảm bảo nguồn thức ăn ổn định cho đàn gia súc, nhất là trong mùa đông giá rét, gia đình ông dành một phần diện tích đất sản xuất để trồng các loại cỏ làm thức ăn chăn nuôi. Nhờ chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật nên ruộng cỏ phát triển tốt đảm bảo nguồn thức ăn cho đàn gia súc, tăng năng suất và chất lượng vật nuôi, đảm bảo duy trì ổn định số lượng đàn qua các năm.

Ngoài chăn nuôi, ông Dục còn trồng 1 ha cây quế, hiện tại quế đã đến thời kỳ thu hoạch. Năm vừa qua, gia đình ông chặt tía bán vỏ tươi và lá cho thu nhập trên 80 triệu đồng. Ngoài ra, với diện tích 8 sào lúa (360 m<sup>2</sup>/sào) mỗi vụ gia đình ông thu trung



Đồi quế của gia đình ông Bàn Văn Dục

bình 2,4 tấn thóc. Nhờ áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất, chất lượng cây trồng đảm bảo. Tổng thu từ chăn nuôi, trồng trọt và cây lâm nghiệp, đã mang lại cho gia đình ông nguồn thu trên 200 triệu đồng, đảm bảo cuộc sống ổn định.

Không chỉ làm giàu cho bản thân, trong cuộc sống thường ngày, ông Dục còn nhiệt tình giúp đỡ các hộ nông dân nghèo trong lao động, sản xuất, bằng những việc làm thiết thực như: hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm, công làm đất, cho vay vốn, lúa giống... cho nhiều lượt hộ nghèo; đồng thời

tạo việc làm ổn định cho lao động tại địa phương. Ông chia sẻ, bà con trong thôn cần sự trợ giúp, tôi đều cố gắng hết mình. Tuy nhiên, để thoát nghèo và vươn lên làm giàu bền vững, bà con cần có ý chí, phải biết tính toán, cân nhắc, mạnh dạn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi. Khi nuôi con gì, trồng cây gì phải nghiên cứu thị trường, học hỏi kinh nghiệm, chăm sóc kỹ càng... có như vậy mới tránh được rủi ro và đạt được kết quả.

Bằng những nỗ lực trong lao động sản xuất, năm 2014, ông Bàn Văn Dục đã được Ủy ban Nhân dân huyện Bảo Yên tặng Giấy khen Nông dân sản xuất giỏi. Ông xứng đáng là tấm gương sáng về tinh thần chịu khó, nhạy bén, tìm hướng phát triển kinh tế gia đình vững chắc trên mảnh đất quê hương, là tấm gương sáng để bà con dân tộc Dao nói riêng và người dân địa phương làm theo.

**NGUYỄN THỊ SÂM**

Trạm Khuyến nông huyện Bảo Yên,  
Lào Cai



Đàn dê của gia đình ông Dục luôn phát triển tốt

# Long An: GẶP NGƯỜI SẢN XUẤT thiết bị sàng phân loại chanh

Với mục tiêu ứng dụng các biện pháp cơ giới hóa để khắc phục tình hình thiếu lao động nông thôn trong sản xuất nông nghiệp nói chung và hỗ trợ việc trồng chanh đang phát triển khá mạnh tại địa phương, anh Trần Văn Nhung ở ấp 1A, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã dày công nghiên cứu sản xuất thiết bị sàng phân loại chanh, đến nay đã được đồng đảo các cơ sở thu mua chanh đặt hàng.

Anh Nhung cho biết, sau khi học hết lớp 9, anh chuyển sang học nghề cơ khí. Sau nhiều năm học tập và lăn lộn với nghề, anh đã có được một số ít kinh nghiệm để tự lập cơ sở riêng. Cơ sở cơ khí của anh không chỉ sản xuất các sản phẩm xây dựng mà còn có những hoạt động dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp. Một trong những sản phẩm ưng ý của anh trong thời gian qua là sản xuất được thiết bị sàng phân loại chanh.

Gia đình anh và nhiều bà con trồng chanh khác ở các huyện Đức Hòa, Bến Lức, Đức Huệ, tỉnh Long An đều gặp khó khăn khi thuê nhân công để hái chanh và phân loại chanh theo yêu cầu của thị trường. Trở ngại đó là động lực thúc đẩy anh tìm tòi, nghiên cứu với mong muốn làm bằng được một chiếc máy có thể phân loại chanh với yêu cầu giảm tối đa công lao động cho công việc này.

Từ đó, anh bắt đầu tìm hiểu những thiết bị có tính năng sàng phân loại chanh hiện có trong và ngoài tỉnh, cụ thể anh đã nghiên cứu thiết bị phân loại chanh có xuất xứ từ Thái Lan. Qua phân tích kiểu thiết kế, nguyên vật liệu và quá trình vận hành của thiết bị này, anh nhận thấy có thể thực hiện một số mặt cải tiến, phù hợp với thị trường phân loại, tiêu thụ chanh ở địa phương.

Chiếc máy anh sản xuất ra có nhiều ưu điểm hơn máy nhập ngoại. Anh thay thế trụ phân loại nhôm bằng ống nhựa PVC giúp chanh không bị lọt xuống đường ống dẫn chanh ra ngoài làm dừng máy... Ngoài ra, anh cũng thay đổi nhiều loại nguyên vật liệu khác để giảm đáng kể giá thành sản xuất. Thiết bị sàng phân loại chanh của anh Nhung có thiết kế đơn giản, nhỏ gọn (dài 4 m, ngang 1 m). Toàn bộ hệ thống máy phân loại được vận hành bởi mô tơ điện giảm tốc 0,5 sức ngựa. Thiết bị vận hành dựa trên nguyên lý tổ hợp băng chuyền gồm 4 trục lăn, trọng lượng của máy nặng 200 kg di chuyển dễ dàng bằng hệ thống bánh xe đẩy được lắp phía dưới.

Thiết bị phân loại được 5 loại chanh có các kích cỡ đường kính nhỏ hơn 36 mm, 38 mm, 40 mm, 42 mm và lớn hơn 42 mm. Trung bình mỗi giờ máy phân loại từ 2.500 - 3.000 kg chanh so với lao động thủ công cần khoảng 15 người. Anh cho biết từ khi chiếc máy ra đời đầu tiên vào tháng 8/2013, đến nay anh đã sản xuất trên 30 chiếc máy và được hầu hết các cơ sở thu mua chanh tại các huyện Bến Lức, Đức Huệ và các tỉnh Tây Ninh, Bến Tre mua về sử dụng và đánh giá cao. Giá của thiết bị này là 14 triệu đồng/chiếc, được giao đến tận nơi đặt hàng, trong khi đó máy nhập ngoại có giá hơn 40 triệu đồng/chiếc.

Anh cho biết thêm, hiện nay anh đã và đang hoàn chỉnh một chiếc máy liên hợp các khâu: phân loại chanh, rửa chanh, đánh bóng chanh để đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu và nhất là tiếp tục giảm nhu cầu lao động thủ công theo hướng cơ giới hóa.

**PHẠM DUY THƯƠNG**

*Trạm Khuyến nông huyện Đức Hòa, Long An*



Thiết bị sàng phân loại chanh có thiết kế đơn giản, nhỏ gọn

# KỸ THUẬT KHAI THÁC CÁ NGỪ ĐẠI DƯƠNG

Khai thác cá ngừ đại dương ở Việt Nam chủ yếu bằng 2 nghề chính đó là câu vàng và câu tay. Hiện nay số lượng tàu câu cá ngừ đại dương của cả nước có khoảng 1.650 tàu, trong đó tàu câu tay khoảng 1.350 chiếc và 300 chiếc câu vàng. Để khai thác cá ngừ đại dương hiệu quả, ngư dân cần nắm vững các yêu cầu kỹ thuật như ngư trường đánh bắt, tập tính sinh học của đối tượng, quy trình kỹ thuật khai thác,...

## 1. Xác định ngư trường khai thác

Phần lớn các loài cá ngừ đại dương thích sống ở những vùng nước ấm và di cư theo quy luật nhất định, nên ngư trường đánh bắt thường xuyên thay đổi. Do đó, để khai thác đạt hiệu quả kinh tế cần dựa vào bản đồ dự báo ngư trường khai thác của Viện Nghiên cứu Hải sản cung cấp. Một số ngư trường trọng điểm khai thác cá ngừ đại dương như ngư trường phía Đông Bắc Hoàng Sa, quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; phía Nam và Đông Nam Biển Đông; vùng biển Phú Quý, vùng gần bờ miền Trung.

## 2. Nhiệt độ nước

Nhiệt độ nước có ý nghĩa quan trọng trong việc thả câu ở độ sâu nào, nếu nhiệt độ nước tầng mặt cao thả câu sâu hơn và ngược lại, nhiệt độ nước tầng mặt tốt nhất để thả câu là khoảng 27°C. Nếu nhiệt độ của nước thay đổi đột ngột, cá ngừ sẽ ngừng săn mồi, thay vào đó chúng di chuyển nhanh và rối loạn.

## 3. Lựa chọn mồi câu

Nghề câu cá ngừ đại dương ở nước ta thường dùng 2 loại mồi câu chính là mực xà và cá chuồn. Trong đó, mồi mực xà được sử dụng nhiều hơn cho cả nghề câu tay và câu vàng. Yêu cầu mồi cho nghề câu vàng phải là mực tươi, khối lượng từ 150 - 300 g/con; nghề câu tay mồi mực phải là mực sống, khối lượng từ 200 - 300 g/con. Đối với mồi câu bằng cá chuồn chỉ áp dụng cho nghề câu vàng cá ngừ, yêu cầu con mồi phải tươi, khối lượng khoảng 200 g/con, qua các chuyến thử nghiệm đều cho thấy mồi mực cho năng suất khai thác cao hơn gấp 5,2 lần so với mồi câu bằng cá chuồn.

## 4. Độ sâu ăn mồi của cá ngừ đại dương

Độ sâu phân bố của cá ngừ đại dương thay đổi giữa ngày và đêm. Ban đêm cá ăn mồi nhiều nhất ở độ sâu 40 - 70 m, ban ngày tương ứng ở độ sâu 120 - 230 m. Vì thế, để khai thác cá ngừ đại dương đạt hiệu quả cần căn cứ vào từng khoảng thời gian để thả câu ở độ sâu phù hợp.

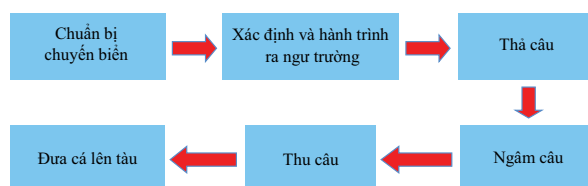
## 5. Ngư cụ khai thác cá ngừ đại dương

- *Số lượng lưới câu và cần câu:* Trên tàu câu vàng thường trang bị từ 800 - 1.200 lưới câu và trên tàu câu tay trang bị 4 - 6 cần câu, mỗi cần lắp từ 1 - 2 thẻo câu.

- *Chiều dài thẻo câu:* Chiều dài thẻo tối ưu cho nghề câu vàng khoảng 20m (khoảng cách 2 thẻo câu 40 m). Đối với nghề câu tay chiều dài dây câu khoảng 60 - 90m, trên mỗi dây triển có thể lắp từ 1 - 2 thẻo câu ở các độ sâu khác nhau nhằm tăng năng suất khai thác. Thực tế sản xuất có thể căn cứ vào tình hình cụ thể để thả lượng phao ganh và điều chỉnh độ sâu thả câu cho phù hợp.

## 6. Quy trình kỹ thuật khai thác

### a. Quy trình kỹ thuật khai thác của nghề câu vàng



Sơ đồ quy trình kỹ thuật khai thác của nghề câu vàng

### b. Quy trình kỹ thuật khai thác của nghề câu tay



Sơ đồ quy trình kỹ thuật khai thác của nghề câu tay

**NGUYỄN DUY THÀNH, NGUYỄN PHI TOÀN**

Viện Nghiên cứu Hải sản  
(224 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng)



# Hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc

## CÂY MẮC CA

**B**ộ Nông nghiệp và PTNT vừa ban hành Quyết định số 3087/QĐ-BNN-TCLN ngày 04/8/2015 về Hướng dẫn tạm thời kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hái quả và sơ chế hạt cây mắc ca. Đây là hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật đầu tiên cho cây mắc ca phát triển tại Việt Nam. Trong phạm vi giới hạn của Bản tin Thông tin Khuyến nông Việt Nam, chúng tôi chỉ giới thiệu kỹ thuật trồng và chăm sóc cây mắc ca theo hướng dẫn của Bộ để bà con nông dân tham khảo.

### I. ĐIỀU KIỆN GÂY TRỒNG

#### 1. Khí hậu

- Nhiệt độ bình quân 15 - 35°C, thích hợp nhất 20 - 25°C;
- Lượng mưa bình quân năm: 1.600 - 2.500 mm;
- Độ cao so với mặt nước biển: 10 - 1.200 m;
- Những nơi ít bị gió phơn (gió Lào), sương muối, mưa phùn.

#### 2. Đất đai và địa hình

- Đất đai: Chỉ nên trồng mắc ca ở những nơi đất tốt, thích hợp nhất ở nơi có độ dày tầng đất > 50 cm, thành phần cơ giới nhẹ, khả năng thoát nước tốt, giàu hữu cơ, độ pH (KCl) = 4 - 6,5; không trồng cây mắc ca trên đất cát, đất ngập úng, đất chua phèn;
- Địa hình: Tương đối bằng phẳng, độ dốc < 20°.

### II. TIÊU CHUẨN CÂY GHÉP ĐEM TRỒNG

- Cây ghép có thời gian sau ghép đạt trên 6 tháng; chiều cao chồi ghép đã hóa gỗ từ 20 cm trở lên (chiều cao cây ghép trên 50 cm); đường kính cổ rễ từ 1,0 - 1,5 cm;
- Cây sinh trưởng tốt, không sâu bệnh, lá xanh, phiến lá phát triển bình thường.

### III. KỸ THUẬT TRỒNG

#### 1. Phương thức, mật độ và thời vụ trồng

a) Cây mắc ca có thể trồng theo 2 phương thức trồng thuần loại hoặc trồng xen với cà phê, chè, hồ tiêu:

- Trồng thuần loại với mật độ từ 205 cây/ha (cự ly 7 x 7 m) đến 278 cây/ha (cự ly 6 x 6 m);
- Trồng xen trên các rãnh luống cà phê mật độ 124 cây/ha (cự ly 9 x 9 m), 138 cây/ha (cự ly 12 x 6 m), hồ tiêu mật độ 124 cây/ha (cự ly 9 x 9 m), chè mật độ 111 cây/ha (cự ly 15 x 6 m).

b) Thời vụ trồng tốt nhất là mùa xuân đối với các tỉnh phía Bắc, đối với các tỉnh phía Nam trồng vào đầu mùa mưa.

#### 2. Xử lý thực bì, làm đất, đào và lấp hố

- Phát dọn toàn diện để giảm cỏ dại, sâu bệnh và tránh cạnh tranh dinh dưỡng. Cuốc lật đất hoặc xới đất, rải cỏ cục bộ 1,5 - 2 m<sup>2</sup> xung quanh vị trí đào hố, nhặt sạch rễ cây lớn (trên 2 cm), đối với những nơi đất dốc (< 20°) nên làm bậc thang theo đường đồng mức có mặt bằng rộng từ 2 - 4 m;

- Đào hố kích thước 80 x 80 x 60 cm, hố được đào trước khi trồng ít nhất 1 - 1,5 tháng để phơi ải; khi đào chú ý để lớp đất trên mặt riêng để trộn với phân lót khi lấp hố;

- Bón lót và lấp hố trước khi trồng ít nhất 1,5 tháng; mỗi hố bón 50 kg phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh (liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì), 500 g NPK và 300 g vôi bột được trộn đều với đất mặt; lấp hố bằng đất mặt xung quanh, tạo hình mai rùa cao hơn mặt đất tự nhiên 2 - 3 cm.

#### 3. Kỹ thuật trồng

- Trên mỗi đơn vị diện tích trồng từ 4 - 5 dòng mắc ca (không trồng đơn dòng); bố trí trồng từng



dòng theo hàng xen kẽ nhau để giúp tăng tỷ lệ đậu quả, tăng tính chống chịu sâu bệnh hại, giảm rủi ro mất mùa, đặc biệt là tăng tỷ lệ nhân cấp 1 của hạt theo chuẩn quốc tế;

- Dùng cuốc tạo một lỗ sâu khoảng 40 cm ở giữa hố đã lấp, đủ rộng để đặt vừa bầu cây;

- Rạch bỏ vỏ bầu nilon ra khỏi bầu đất; đặt bầu ngay ngắn trong lòng hố, chỉnh cho cây đứng thẳng; lấp đất và nén chặt; vun đất xung quanh gốc cây 40 cm thành hình mai rùa, cao hơn mặt đất khoảng 5 cm để dễ dàng thoát nước khi mưa; lưu ý các thao tác thực hiện nhẹ nhàng để tránh làm vỡ bầu đất của cây;

- Dùng 3 cọc dài 60 - 80 cm cắm thành hình tam giác xung quanh, cách gốc cây 40 - 50 cm, buộc chum phần trên ngọn cọc lại tương ứng với 2/3 chiều cao của cây và buộc vào thân cây để cố định, bảo vệ cây khỏi bị gió làm nghiêng;

- Tủ rơm rạ, cỏ hoặc bổi thành lớp dày 4 - 5 cm rộng 1 m xung quanh gốc cây để giữ độ ẩm và ngăn cỏ dại.

#### IV. KỸ THUẬT CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG CÂY TRỒNG

##### 1. Chăm sóc

- Nếu trồng xong không có mưa thì tưới ẩm ít nhất trong 20 ngày để cây phục hồi và ra lộc non; trong 2 tháng tiếp theo thực hiện tưới cây 1 tuần 1 lần; lượng nước tưới 10 - 15 lít/cây;

- Xới xáo, làm cỏ, phá váng xung quanh gốc cây từ 0,8 - 1 m; mỗi năm chăm sóc 2 lần và tiến hành thường kỳ hàng năm.

##### 2. Bón thúc

a) Bón thúc khi cây trồng được 2 năm tuổi trở lên, bón vào tháng 1 - 2 hàng năm bằng phân chuồng hoai kết hợp phân NPK và vôi bột;

b) Cuốc rãnh rộng và sâu 25 - 35 cm theo hình chiếu tán lá, rải đều phân chuồng xuống trước sau đó rắc vôi bột, cho một lớp đất mặt mỏng xuống trộn đều và cuối cùng rải đều phân NPK và lấp đất, cụ thể:

- Năm thứ 2: Bón 10 - 20 kg phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh (liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì) kết hợp 0,1 kg NPK và 0,1 kg vôi bột;

- Năm thứ 3: Bón 20 - 30 kg phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh (liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì) kết hợp 0,2 kg NPK và 0,1 kg vôi bột;

- Năm thứ 4: Bón 30 - 40 kg phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh (liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì) kết hợp 0,3 kg NPK và 0,1 kg vôi bột;

- Năm thứ 5: Bón 40 - 50 kg phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh (liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì) kết hợp 0,4 kg NPK và 0,1 kg vôi bột;

- Những năm tiếp theo khi cây đã ra quả: Bón 50 - 70 kg phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh (liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì) kết hợp 1,0 kg lân và 0,2 - 0,4 kg kali và 0,1 kg vôi bột.

- Thời kỳ bón: Khu vực Tây Nguyên bón vào tháng 8 - 9, khu vực Tây Bắc bón vào tháng 10 - 11; bón sau khi thu hoạch quả và vệ sinh tía cành, tạo tán.

##### 3. Phòng trừ sâu hại

- Quét vôi xung quanh gốc cây mỗi năm 2 lần: lần 1 vào tháng 12 năm trước đến tháng 1 năm sau; lần 2 vào tháng 7 - 8 để phòng chống sâu hại;

- Vị trí quét bắt đầu từ phần dưới gốc cây (bờ phần đất mặt sâu xuống 2 cm) quét lên thân cây khoảng 50 - 80 cm;

- Kiểm tra thường xuyên thân cây, nếu bị sâu đục thân thì dùng kim tiêm bơm thuốc trừ sâu vào lỗ sâu đục rồi lấp đất sét bịt lại.

##### 4. Tia cành tạo tán

- Thực hiện tia cành tạo tán ở năm thứ nhất và năm thứ hai;

- Tùy vào tình hình cụ thể, với cây sinh trưởng ngọn mạnh thì cắt ngọn thân chính để xúc tiến phân cành; đối với những cây sinh trưởng ở ngọn yếu không cần cắt ngọn thân chính, chỉ cắt bớt ngọn các cành bên;

- Cắt ngọn được tiến hành 3 lần: lần 1 ở vị trí cách mặt đất 1 m; lần 2 ở vị trí cách 0,6 - 0,8 m so với vị trí bấm lần 1; lần 3 cách vị trí bấm lần 2 từ 0,6 - 0,8 m;

- Chọn những cành khỏe (2 - 3 cành) giữ lại, tia bỏ những cành yếu;

- Sau năm thứ 2 để cây phát triển bình thường, các năm tiếp theo chỉ tia bỏ những cành rất nhỏ phát triển ở tầng tán thứ 3 đối với những cây có tán quá dày■

#### TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP



# Giới thiệu MỘT SỐ GIỐNG LỢN NGOẠI

## 1. Lợn Landrace



Lợn Landrace đực



Lợn Landrace cái

**Nguồn gốc:** Xuất xứ từ Đan Mạch.

**Chỉ tiêu năng suất:**

Số con đẻ ra/ lứa từ 10 - 12 con.

Khối lượng lợn sơ sinh: 1,2 - 1,3 kg/con, lợn đực trưởng thành: 270 - 300 kg, lợn cái: 200 - 230 kg/con.

Bắt đầu phối giống lúc 7 - 8 tháng tuổi. Mỗi năm đẻ 2,0 - 2,2 lứa, 6 tháng tuổi đạt 100 kg. Tỷ lệ nạc 54 - 56%. Thích nghi kém hơn so với giống lợn Yorkshire trong điều kiện nhiệt đới nóng ẩm.

## 2. Lợn Yorkshire

**Nguồn gốc:** Chọn lọc nhân giống tại vùng Yorkshire nước Anh.

**Đặc điểm, chỉ tiêu năng suất:**

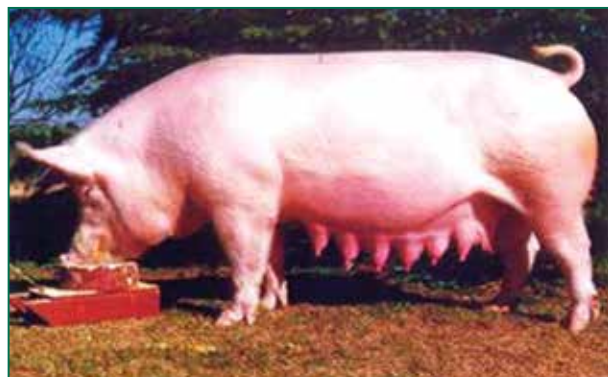
Lợn Yorkshire sắc lông toàn thân màu trắng có ánh vàng, tai đứng, mõm dài vừa phải, trán rộng, mặt gầy, ngực mỏng cao, thể chất vững chắc, nuôi con khéo, đẻ sai, chịu đựng kham khổ, khả năng chống chịu stress cao, chất lượng thịt tốt.

Lợn đực nặng 250 - 320 kg/con, lợn cái nặng 200 - 250 kg/con.

Bắt đầu phối giống lúc 8 tháng tuổi. Một năm đẻ 2,0 - 2,1 lứa, mỗi lứa đẻ 10 - 13 con. Tỷ lệ nạc 52 - 55%.



Lợn Yorkshire đực



Lợn Yorkshire cái

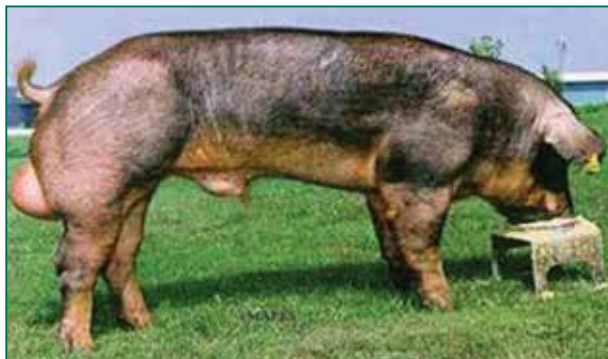
## 3. Lợn Duroc

**Nguồn gốc:** Xuất xứ từ Mỹ.

**Đặc điểm, chỉ tiêu năng suất:**

Lợn Duroc có thân hình vững chắc, lông có màu nâu vàng nhạt đến nâu sẫm, bốn chân to khỏe, vững chắc, ngực sâu, rộng, hông vai phát triển và cân đối, mõm thẳng, tai to ngắn, phần tai trước cụp, gập về phía trước, chất lượng thịt tốt (thịt mềm do mô nạc xen lẫn với mô mỡ dầy), thịt nạc màu đỏ đậm, khả năng tăng trọng nhanh, tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng thấp, đẻ con ít, tiết sữa kém. Lợn trưởng thành, con đực nặng 300 - 370 kg, con cái nặng 250 - 280 kg/con. Mỗi lứa đẻ được 7 - 9 con. Tăng khối lượng nhanh (0,77 - 0,85 kg/ngày). Nuôi 180 ngày đạt được 105 - 125 kg, tỷ lệ nạc 58 - 60,4%.

Lợn Duroc sử dụng trong lai 3 máu, 4 máu, giữa các giống cao sản đạt hiệu quả về năng suất và chất lượng thịt. Lai với nái địa phương Việt Nam (Móng Cái) không đạt kết quả tốt, da con lai dày, lớn chậm, số con/ổ thấp. Thích nghi kém trong điều kiện khí hậu nóng ẩm.



Lợn Duroc đực



Lợn Duroc cái

#### 4. Lợn Pietrain

*Nguồn gốc:* Xuất xứ từ Bỉ.

*Đặc điểm, chỉ tiêu năng suất:*

Màu lông da trắng đốm xen lẫn từng đám đen trắng không đồng đều trên cơ thể, tai thẳng đứng, đầu to vừa phải, mõm thẳng, 4 chân thẳng, móng nở, lưng rộng, đùi to, có tỉ lệ nạc cao nhất trong các giống lợn ngoại (60 - 62%). Thích nghi kém ở khí hậu nhiệt đới nóng ẩm.

Lợn Pietrain có nhược điểm: Tim yếu vì có tỷ lệ gen Halothane cao, khi hoạt động mạnh dễ bị vỡ tim (đột tử), khả năng chịu đựng kém, nhạy cảm với stress. Lợn Pietrain thường sử dụng lai với Duroc để tạo đực cuối cùng nhằm nâng cao năng suất thịt mỡ và tỉ lệ nạc.

Lợn đực trưởng thành nặng 270 - 350 kg/con, lợn cái nặng 220 - 250 kg/con. Mỗi lứa đẻ 8 - 10 con. Tăng trọng nhanh, nuôi 6 tháng tuổi đạt 100 kg/con. Tỷ lệ nạc 60 - 62%.



Lợn Pietrain đực



Lợn Pietrain cái

#### 5. Lợn Meishan



Lợn nái Meishan thuần chủng



Lợn nái dòng tổng hợp có máu Meishan (Anh Quốc)

*Nguồn gốc:* Xuất xứ từ Trung Quốc.

*Đặc điểm, chỉ tiêu năng suất:*

Màu lông, da đen, tai rủ, mõm ngắn, da mặt nhăn. Lợn Meishan lớn chậm, nhiều mỡ và cấu tạo thân thịt kém nhưng thịt lợn Meishan có mùi vị thơm ngon rất đặc trưng.

Là giống mắn đẻ nhất trong số các giống lợn trên thế giới, trung bình mỗi lứa từ 15 - 16 con, có khi 20 - 22 con, trung bình mỗi năm đẻ hai lứa. Lợn Meishan có nhiều vú, thành thực sinh dục sớm ngay từ lúc chưa đầy 2,5 tháng tuổi so với 5 tháng tuổi ở các giống lợn khác. Con nái trông bề ngoài thì dữ dằn nhưng lại rất hiền và nuôi con rất tốt. Giống lợn Meishan có trọng lượng tương đối lớn so với các giống lợn châu Á. Lợn nái trưởng thành cao 57,8 cm, vòng ngực 100 cm và trọng lượng 61,6 kg. Tỷ lệ thịt xẻ thấp khoảng 68%, tỷ lệ mỡ cao.

Giống lợn này có khả năng sinh sản tốt do đó được sử dụng làm nguyên liệu lai tạo cho dòng lợn tổng hợp có khả năng sinh sản cao và năng suất, chất lượng thịt tốt, dùng làm nái nền rất tốt.

## 6. Lợn Hampshire



Lợn đực giống Hampshire



Lợn cái giống Hampshire

*Nguồn gốc:* Xuất xứ từ Anh Quốc, vùng Hampshire.

*Đặc điểm, chỉ tiêu năng suất:*

Lợn có màu lông đen toàn thân và có vành lông trắng vắt qua vai bao gồm cả chân trước và ngực. Lợn có đầu nhỏ thanh, cổ dài và hẹp thân.

Toàn thân chắc chắn và vận động tốt, thích hợp với chăn thả trên đồng cỏ.

Lợn Hampshire có khả năng sinh sản tương đối tốt, lợn đẻ từ 10 - 12 con/lứa, mỗi năm đẻ 1,8 - 2,0 lứa. Trọng lượng sơ sinh lợn con trung bình đạt 1,1 - 1,2 kg. Khả năng sinh trưởng của lợn tương đối nhanh, tăng trọng 700 g/ngày. Lợn có tỷ lệ thịt xẻ cao, đây là giống lợn hướng nạc.

## 7. Lợn lai

### 7.1. Lợn lai Landrace và Yorkshire

Quyết định công nhận số 185/QĐ-CN-GSN ngày 30/10/2008 của Cục Chăn nuôi về lợn nái lai F1 giữa Landrace và Yorkshire; F1 giữa Yorkshire và Landrace làm nái để tạo nái nền trong sản xuất lợn thương phẩm.

Các dòng giống Y-VCN, L-VCN, D-VCN, Pi-VCN, VCN-01, VCN-02, VCN-03, VCN-04, VCN-05, VCN-06 do Viện chọn tạo có năng suất tương đương với các giống lợn nhập ngoại của các công ty trong và ngoài nước (số con sơ sinh sống > 11 con; số con cai sữa/ổ là 10,5 con; số lứa đẻ/nái/năm là 2,2 - 2,3 lứa). Lợn nái VCN-08 được chọn lọc, nhân thuần từ giống lợn nhập ngoại. Đây là giống lợn có năng suất sinh sản rất cao: số con sơ sinh sống/ổ  $\geq 15$  con; số con cai sữa/ổ  $\geq 12$  con; khối lượng cai sữa/con (28 ngày tuổi)  $\geq 5,4$  kg/con; số lứa đẻ/nái/năm  $\geq 2,3$  lứa/năm. Giống lợn VCN08 thích hợp sử dụng làm nái nền trong điều kiện chăn nuôi trang trại, nông hộ, đặc biệt phù hợp với các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

Các dòng lợn nái VCN21, VCN22, L71, L72 và 2 dòng đực tổng hợp chất lượng cao (L64 x L06) và (L06 x L19) có năng suất cao: số con sơ sinh sống là 11,3 con; số con cai sữa/ổ là 10,3 con; số lứa đẻ/nái/năm là 2,21 lứa; tiêu tốn thức ăn 2,6 kg/kg tăng trọng; bình quân số lợn con cai sữa/nái/năm: 23 - 24 con, phù hợp với chăn nuôi trang trại của Việt Nam.

### 7.2. Lợn lai giữa Pietrain và Duroc

Lai giữa đực Pietrain và cái Duroc, công thức lai này không đảo ngược DuPi vì nái Pietrain nuôi con kém, năng suất sữa kém, ít con trên mỗi lứa. Con lai PiDu đực được tuyển lựa để tạo dòng đực cuối rất được nhà chăn nuôi ưa chuộng thay vì phải dùng đực cuối Pietrain hay Duroc nuôi năng suất kém, chậm lớn, khó nuôi.

Các dòng đực cuối PD25, PD50 và PD75: Dòng đực PD25 đạt tăng trọng xấp xỉ 900 g/ngày, dày mỡ lưng 11 mm. Các dòng đực cuối PD50 và PD75: Tăng trọng 870 g/ngày, dày mỡ lưng là 11,5 - 12 mm. Khả năng tăng trưởng cao hơn so với đại trà từ 15 - 20%■

**TS. NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG**

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

# QUY TRÌNH KỸ THUẬT

## SẢN XUẤT

# Đậu tương đông

### I. LỰA CHỌN GIỐNG

Chọn các giống đậu tương đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan khoa học khuyến cáo thích hợp trồng trong vụ đông như: ĐT26, ĐT2101, ĐVN14, ĐT12, ĐT51, DT84, DT96...

Lượng giống cần cho 1 ha đối với đất vàn (gieo theo luống) là 60 - 70 kg/ha và 80 - 90 kg/ha đối với gieo vãi (trên nền đất ướt).

### II. KỸ THUẬT GIEO TRỒNG

#### 1. Thời vụ

Thời vụ gieo trồng đậu tương đông trong khoảng 1/9 - 30/9, song tốt nhất nên gieo trước 15/9.

#### 2. Chọn đất

Đậu tương có thể trồng trên nhiều loại đất khác nhau, thích hợp nhất trên đất thịt pha cát. Ruộng cần bố trí nơi đất chủ động tưới tiêu nước.

#### 3. Làm đất

- Trên chân đất vàn cao: Yêu cầu làm đất phải đảm bảo tơi xốp, bằng phẳng, sạch cỏ dại, xử lý đất trước khi gieo hạt bằng vôi bột. Lên luống rộng 1,0 - 1,2 m, rãnh rộng 30 - 35 cm, sâu 15 - 20 cm. Mặt luống được chia làm 2 - 3 hàng dọc theo chiều dài luống, rạch sâu 2 - 3 cm, hàng cách hàng 30 - 40 cm.

- Trên đất sau lúa mùa: Áp dụng biện pháp không làm đất, gieo hạt vào gốc rạ hoặc gieo vãi có làm đất..., yêu cầu ruộng thoát nước, cây tạo rãnh thoát nước với băng rộng 2 - 3 m.

#### 4. Bón phân

**Lượng phân bón cho 1 ha:**

TT	Loại phân	Lượng bón (kg)		Ghi chú
		Tính cho 1 ha	Quy sào Bắc bộ (360 m <sup>2</sup> )	
1	Urê	90 - 110	3 - 4	
2	Lân	330 - 420	12 - 15	
3	Kali clorua	110 - 170	4 - 6	
4	Phân chuồng hoai mục/ Hữu cơ sinh học	7.000 - 8.000	250 - 300	Phân hữu cơ sinh học bón với lượng 1/10 phân chuồng
5	Vôi bột	270 - 400	10 - 15	Áp dụng trên đất chua phèn

#### Cách bón:

- Đối với đất vàn cao:

+ Bón lót toàn bộ phân chuồng hoai mục hoặc hữu cơ vi sinh + toàn bộ phân lân + 1/3 lượng đạm + 1/3 lượng kali vào hàng đã rạch. Trước khi gieo hạt cần phủ lớp đất mỏng lên phân đã bón lót, tránh để hạt tiếp xúc với phân.

+ Bón thúc lần 1: 1/3 lượng đạm + 1/3 lượng kali khi cây có 2 - 3 lá thật.

+ Bón thúc lần 2: Số phân còn lại khi cây có 5 - 6 lá thật, kết hợp làm cỏ và vun xới.

- Trên đất sau lúa mùa: Cần bón phân sớm, tập trung trong 30 ngày sau gieo, có thể áp dụng biện pháp tưới nước kết hợp bón phân. Bón theo cách sau: Toàn bộ phân chuồng hoai mục + lân + vôi bột, trộn thêm trấu và đất màu khô theo tỉ lệ 1:1 để lấp hạt, độ sâu 1 - 2 cm.

#### 5. Mật độ, khoảng cách và cách gieo

Gieo ở mật độ 40 - 50 cây/m<sup>2</sup> tùy theo hình thức gieo.

- Gieo theo luống trên nền đất khô: Hàng cách hàng 30 x 40 cm, gieo 2 hạt/hốc, hốc cách hốc 7 - 8 cm.

- Phương pháp gieo theo hàng (với biện pháp làm đất tối thiểu): Mật độ là 50 cây/m<sup>2</sup>, hàng cách hàng 35 cm, gieo 2 - 3 hạt/gốc rạ, hốc cách hốc 10 cm. Phủ kín hạt bằng đất hoặc rạ.

- Phương pháp gieo theo gốc rạ: Gieo 2 hạt ở mỗi hốc và bỏ cách một hàng rạ không gieo. Lượng giống 60 kg/ha.

- Phương pháp gieo vãi: Lượng giống 80 - 90 kg/ha. Sau khi thu hoạch lúa, đất phải đủ ẩm (ướt như đất chuẩn bị gieo mạ). Chia hạt cho từng luống hoặc băng để rắc cho đều, sau khi gieo phải tiến hành phủ hạt và chuẩn bị lối thoát nước cho ruộng. Chọn khoảng ruộng an toàn gieo dày thêm cho mỗi sào Bắc bộ khoảng 0,5 - 1,0 m<sup>2</sup> để dặm. Thời điểm tỉa dặm sau khi gieo từ 5 - 7 ngày.

#### 6. Chăm sóc

- **Xới xáo:**

+ Lần 1: Khi cây có 2 - 3 lá thật, xới nhẹ vào gốc, tỉa định cây, kết hợp bón thúc lần 1.

+ Lần 2: Khi cây có 5 - 6 lá thật, xới vun cao sát gốc, kết hợp bón thúc lần 2.

- **Tưới nước:** Nguyên tắc chung cần giữ độ ẩm đồng ruộng thường xuyên 65 - 70% độ ẩm tối đa.

Tưới nước vào các thời kỳ 2 - 4 lá thật, trước khi ra hoa, hình thành quả và quả trưởng thành (có thể tưới bất kỳ giai đoạn nào khi cần để đảm bảo độ ẩm yêu cầu nêu trên). Cách tưới: Tưới rãnh ngập 2/3 luống để ngấm đều, sau đó tháo cạn.

## 7. Phòng trừ sâu bệnh

Cần theo dõi kiểm tra phòng trừ sớm các đối tượng sâu, bệnh hại chính trên cây đậu tương.

### a) Sâu hại

- **Sâu xám:** Thường gây hại trong giai đoạn cây con. Sâu cắn ngang thân khiến cây gãy, đổ và chết.

#### Biện pháp phòng trừ:

+ Nhộng và sâu non thường ẩn nấp ở độ sâu cách mặt đất 4 - 6 cm. Phòng trừ bằng cách làm đất kỹ để diệt nhộng và sâu non, có thể dùng thuốc hoá học trừ diệt sâu non và sâu tuổi 1 - 3. Với sâu tuổi 4 - 5, tổ chức bắt vào buổi sáng sớm hoặc chiều mát nếu mật độ thấp.

+ Mật độ cao phòng trừ bằng các loại thuốc như: Sugadan 30G, Vifuran 3G,... theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- **Ruồi đục thân:** Trong vụ đông, sâu non (giòi) phá hại nặng trên cây con vào tháng 10, 11. Con trưởng thành (ruồi nhỏ) phá hại ở các bộ phận lá và thân cây.

#### Biện pháp phòng trừ:

+ Xử lý kỹ đất trước khi gieo trồng.

+ Phải luân canh với các cây trồng nước (cây lúa nước), không nên trồng liên tiếp các cây họ đậu.

+ Phun các loại thuốc có hiệu lực cao phòng trừ ruồi như: Angun 5ME, Golnitor 50WDG, Soka 25EC... khi đến ngưỡng theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- **Sâu đục quả:** Sâu tập trung phá hại khi cây ra quả non, hạt mới hình thành bị sâu đục không phát

triển nữa. Ngoài ra sâu còn đục phá thân cây, làm cây sinh trưởng chậm hoặc chết khô.

#### Biện pháp phòng trừ:

Trừ sâu hữu hiệu nhất vào lúc hình thành quả và quả bánh tẻ, điều tra phát hiện thấy mật độ sâu từ 15 - 20 con/m<sup>2</sup> thì phun thuốc trừ sâu non bằng Surpacide 40ND, Dipterex, Fastas 5EC, Fortac 5EC...

+ Phải luân canh với các cây trồng nước, không nên trồng liên tiếp các cây họ đậu.

- **Ngoài ra có các đối tượng sâu hại lá (sâu xanh, sâu khoang, sâu cuốn lá), bọ xít xanh trích hút lá, quả:** Các đối tượng này làm lá sinh trưởng kém, quả lép, không chín được.

#### Biện pháp phòng trừ:

Dùng thuốc hoá học như BiAn 40EC, BiAn 50EC, Sherpa, Polytin, Oncol, Padan 95SP, Dipterex... theo đối tượng, liều lượng nhà sản xuất khuyến cáo.

### b) Bệnh hại

- **Bệnh lở cổ rễ:** Bệnh gây hại nặng nhất ở giai đoạn cây con, đặc biệt phát sinh mạnh nhất trong điều kiện làm đất không kỹ, độ ẩm cao. Cây bị bệnh ở cổ rễ có lớp sợi trắng, cây bị vàng úa và bị chết.

#### Biện pháp phòng trừ:

+ Vệ sinh đồng ruộng và xử lý đất nếu vụ trước ruộng bị nặng.

+ Xử lý hạt giống trước khi gieo bằng các loại thuốc trừ nấm.

+ Khi bị bệnh nặng dùng các loại thuốc hoá học như: Anvil 5SC, Score 250EC, Cavil 50SC... phun theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- **Bệnh gỉ sắt:** Ở nhiệt độ 22 - 24°C và ẩm độ không khí cao, bệnh phát sinh mạnh nhất. Khi nhiệt độ trên 30°C, mưa to, có xu hướng làm giảm bệnh. Cây bị bệnh xuất hiện đốm nâu ở mặt dưới lá. Bào tử nấm phát triển trong vết bệnh, làm giảm diện tích quang hợp của lá làm lá bị vàng, mất khả năng quang hợp, rụng sớm, làm giảm số lượng và trọng lượng hạt.

#### Biện pháp phòng trừ:

+ Chọn giống chống chịu bệnh và bố trí thời vụ thích hợp.

+ Phòng trừ bằng các loại thuốc như: Callihex 5SC, Cavil 50SC, ...

- **Bệnh thán thư:** Bệnh hại từ giai đoạn cây con đến giai đoạn có hoa, quả và gây hại nặng nhất trong điều kiện ẩm độ không khí cao và nhiệt độ



Thời điểm thu hoạch  
khi trên cây có 2/3 số quả chuyển sang màu vàng sẫm

thấp, độ ẩm dưới 80% bệnh có thể ngừng phát triển. Trên lá vết bệnh hình tròn, màu nâu đen, hơi lõm. Trên thân cây con, vết bệnh kéo dài, màu nâu vàng, hơi lõm xuống và nứt nẻ. Bệnh nặng, nhiều vết hợp thành vết dài làm cây con khô chết, đổ rạp xuống.

#### **Biện pháp phòng trừ:**

- + Xử lý hạt giống trước khi gieo trồng.
- + Khi bệnh chớm xuất hiện phải xử lý bằng các loại thuốc như: Somex 2SL, Diboxylin 2L...

Ngoài ra, cần quan tâm đến một số bệnh hại khác như: héo gốc mốc trắng, héo vàng, thối thân, héo xanh vi khuẩn và bệnh khảm lá (virus).

## **8. Thu hoạch, chế biến và bảo quản**

- Thời điểm thu hoạch khi trên cây có 80 - 85% quả chín (trên 2/3 số quả chuyển sang màu vàng sẫm), thu hoạch về phơi 1 nắng, sau đó ủ 2 - 3 ngày, phơi nắng tiếp, sau đó đập lấy hạt.

- Phơi hạt trên nong, nia, cót... đến khi hạt giống đạt độ ẩm 10 - 12%. Sau khi phơi để hạt giống nguội, cho vào bao nylon; bảo quản trong kho thoáng và dễ kiểm tra xử lý khi xảy ra các yếu tố bất thuận. Nếu gặp thời tiết mưa cần bố trí hệ thống sấy để làm khô và tách hạt kịp thời■

**VŨ THỊ THÙY**

*Trung tâm Khuyến nông Quốc gia*

# **CHUẨN BỊ CHO** *gia súc* **TRƯỚC MÙA RÉT**

**T**rước mùa rét, người chăn nuôi cần chuẩn bị chống rét, chống đói cho gia súc như sau: chuồng nuôi, vật liệu chống rét, thức ăn, nước uống, phòng trừ dịch bệnh.

## **1. Chuồng nuôi**

- Chuồng đặt ở nơi cao ráo, dễ thoát nước, gần nguồn nước đảm bảo vệ sinh.

- Cửa chuồng hướng về phía Nam hoặc Tây Nam để đảm bảo ánh sáng và độ thông thoáng.

- Mái chuồng cao ít nhất là 3 m và nhô ra khỏi tường tối thiểu là 0,5 m để tránh nước mưa hắt vào tường và chuồng nuôi.

- Thành chuồng cao từ 0,8 - 1,2 m. Những vùng có điều kiện nên xây tường bao quanh chuồng để tránh gió rét và mưa hắt hoặc dùng vật liệu sẵn có tại địa phương để che quanh chuồng nuôi.

- Trong chuồng, nên có ô thoáng phía trên để gió lưu thông. Khi đốt lửa sưởi, khói sẽ theo lỗ thoáng ra ngoài, không tích khí độc trong chuồng ảnh hưởng tới sức khỏe trâu, bò.

- Nền chuồng cao hơn mặt đất 40 - 50 cm, có độ dốc 2 - 3% xuôi về cuối chuồng nơi có hố gom phân, chất thải; không gồ ghề, trơn trượt. Hố chứa chất thải bố trí ngay sát chuồng nuôi và phải đảm bảo đủ thể tích để chứa toàn bộ lượng chất thải trong cả vụ đông xuân. Theo kinh nghiệm tại Hà Giang, Lạng Sơn, người chăn nuôi có thể dùng ván gỗ dày 2 - 2,5 cm đặt trên nền chuồng trong vụ đông.

- Máng ăn: Tốt nhất là xây bằng gạch và láng xi-măng làm nhẵn bề mặt. Các góc của máng phải lượn tròn và trơn nhẵn. Đáy máng có độ dốc xuôi, có lỗ thoát nước để ở nơi thấp nhất để thuận tiện cho việc rửa máng. Thành máng phía trong (phía trâu, bò ăn) bắt buộc phải thấp hơn thành máng ngoài.

- Máng uống: Bố trí máng uống tách biệt với máng ăn để tránh gia súc làm rơi thức ăn vào máng uống. Có thể dùng loại máng uống xây trát xi-măng nhưng phải bảo đảm trơn nhẵn và có độ cao vừa phải để trâu bò có thể uống nước dễ dàng mà không thể bước cả chân vào máng.

- Rãnh thoát nước, phân, nước tiểu: Được bố trí chạy dài, dọc theo chuồng, dốc về phía cuối chuồng nối với hố chứa phân. Lòng rãnh không sâu và xây lượn tròn, chiều rộng từ 22 - 25 cm trở lên. Độ dốc từ đầu này đến đầu kia khoảng 2 - 3% để bảo đảm dễ thoát nước tiểu và nước thải khi rửa chuồng.

- Hệ thống cống thoát nước: Được nối tiếp với rãnh thoát nước tiểu, bảo đảm thoát nước dễ dàng đến nơi chứa.

- Hố chứa phân và nước tiểu: Nếu có điều kiện cần bố trí cách xa nhà ở, cuối hướng gió và thấp hơn chuồng nuôi tối thiểu 50 cm để dễ thu gom và vệ sinh. Hố phân phải xây chìm, bằng gạch có trát xi-măng để nước phân không ngấm ra xung quanh.

## 2. Chuẩn bị vật liệu chống rét

- Rơm, cỏ, lá chuối, bẹ ngô khô để lót chuồng.
- Trấu, củi để đốt sưởi.
- Bạt, bao ni-lông, phen, nứa để quây, che chắn, củng cố xung quanh chuồng.
- Chăn, áo, bao tải gai để làm áo chống rét cho trâu, bò (có thể sử dụng các tấm chăn, áo, bao tải gai đã cũ để làm áo chống rét cho trâu, bò nhưng chú ý là nên sử dụng chất liệu bông, thấm nước. Không dùng chất liệu ni-lông vì chất này không thấm nước, hơi nước sẽ đọng lại và thấm ngược trở lại làm trâu, bò bị rét thêm).



Mặc áo ấm cho trâu bò

## 3. Thức ăn, nước uống

### 3.1. Thức ăn

Việc dự phòng thức ăn cũng rất quan trọng vì chỉ khi cung cấp thức ăn đầy đủ thì trâu, bò mới có đủ năng lượng chống lại giá rét, không bị chết rét. Đây là yếu tố quan trọng nhất trong phòng chống đói, rét cho trâu, bò mùa đông.



Ủ thức ăn xanh dự trữ

Nên ủ chua một số loại cỏ, ngô dày, phơi khô cỏ và chế biến phụ phẩm nông, công nghiệp có sẵn ở địa phương để dự trữ thức ăn thô cho trâu, bò trong vụ đông.

- Bắt đầu vào tháng 11 hàng năm, cần chuẩn bị sẵn thức ăn dự phòng cho trâu, bò sử dụng trong 4 tháng tiếp theo. Bởi vì vào mùa đông, thức ăn tự nhiên cho trâu, bò sẽ khan hiếm hơn.

- Nên chuẩn bị trung bình mỗi ngày 1 kg thức ăn tinh (ngô, bột cám, bột sắn...) và 30 kg thức ăn thô (rơm, cỏ voi, cây chuối, cây sắn, thức ăn ủ chua...) cho 1 trâu/bò trưởng thành, như vậy, lượng thức ăn tinh nên dự trữ cho 1 trâu, bò trưởng thành trong 4 tháng mùa đông là 120 kg và thức ăn thô là 3.600 kg.

### 3.2. Nước uống

Chú ý cung cấp đủ nước uống cho gia súc tại chuồng, những ngày nhiệt độ dưới 15°C nên cho trâu, bò uống nước ấm. Cần bổ sung muối vào trong nước uống cho trâu, bò trong những ngày rét giữ tại chuồng.

## 4. Phòng bệnh

### 4.1. Tẩy ký sinh trùng theo các phương pháp dưới đây

#### a. Ngoại ký sinh trùng (ve, rận, ruồi trâu...)

- Sử dụng các loại thuốc có phổ hoạt lực rộng như Neuguvon hoặc Asuntol hòa thành dung dịch tắm hoặc xoa. Liều sử dụng phải thực hiện theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Pha và sử dụng thuốc: Sử dụng Nevugvon với liều phổ biến 1,25 g/lít nước, bổ sung 50ml dầu ăn và 20g xà phòng bột lắc đều trước khi sử dụng. Dùng bình phun đều lên toàn bộ cơ thể trâu, đặc biệt vùng bẹn và vùng nách. Có thể đeo găng tay, dùng giẻ để bôi thuốc, định kỳ phun theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Không để thuốc bám vào người, quần áo. Không hút thuốc, ăn uống trong khi pha và bôi thuốc.

- Nếu không có các loại thuốc trên có thể sử dụng thuốc khác có tác dụng tương tự theo hướng dẫn của cán bộ thú y.

#### b. Nội ký sinh trùng (giun sán đường ruột, giun phổi, sán lá gan)

- Sử dụng các loại thuốc có phổ hoạt lực rộng như: Levamisole, Tetramisole điều trị nội ký sinh trùng đường ruột và Fasinex điều trị sán lá gan.

- Liều lượng: Levamisole 7,5%: 1 ml/20 kg thể trọng; Fasinex: 1 viên/75 kg thể trọng.

- Cách sử dụng: Có thể ở dạng uống, trộn vào thức ăn hoặc tiêm theo hướng dẫn.

- Đối với bê nghé từ 1 - 2 tháng tuổi tẩy giun đũa (sử dụng theo hướng dẫn của từng loại thuốc).

- Đối với trâu, bò trưởng thành, mỗi năm tẩy sán lá gan một lần (trâu, bò mang thai không được tẩy), sử dụng thuốc theo hướng dẫn.

- Nếu không có các loại thuốc trên có thể sử dụng thuốc khác có tác dụng tương tự theo hướng dẫn của cán bộ thú y.

\* Thực hiện tiêm phòng: Đầy đủ theo quy định của cơ quan thú y địa phương ■

**CỤC CHĂN NUÔI**



# Quy trình kỹ thuật

## SẢN XUẤT KHOAI TÂY ĐÔNG

### (Kỳ 1)

#### I. LỰA CHỌN GIỐNG

Chọn các giống đậu tương đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan khoa học khuyến cáo thích hợp trồng trong vụ đông như: Diamant, Solara, Marabel, Atlantic, VT2, KT3...

Tiêu chuẩn: Giống phải đảm bảo sạch sâu bệnh, không dị dạng; có kích thước củ đồng đều; mầm mập, khỏe.

Lượng giống cần cho 1 ha: Tùy theo điều kiện sản xuất (đất trồng và giống), lượng giống dao động từ 850 - 1.100 kg/ha (30 - 40 kg/sào Bắc bộ).

#### II. KỸ THUẬT TRỒNG

##### 1. Thời vụ

Vùng trung du miền núi phía Bắc: Các tỉnh miền núi thường trồng từ giữa đến cuối tháng 10, thu hoạch tháng 1 năm sau. Với vùng trung du, trồng vào đầu tháng 10, thu hoạch vào cuối tháng 12.

Vùng đồng bằng sông Hồng: Trồng cuối tháng 10, đầu tháng 11, thu hoạch cuối tháng 1, đầu tháng 2.

Vùng Bắc Trung bộ: Trồng đầu tháng 11, thu hoạch cuối tháng 1 năm sau.

##### 2. Chọn và làm đất

###### a) Chọn đất

Khoai tây có thể trồng được trên các loại đất: đất cát pha, đất thịt nhẹ, đất phù sa... Để cây khoai tây sinh trưởng tốt, năng suất cao, cần bố trí trồng trên chân các chân đất vụn, vào cao; đất có độ tơi xốp, thuận tiện trong việc tưới tiêu. Khoai tây đông thường được bố trí trên chân đất 2 vụ lúa (lúa đông xuân + lúa mùa + khoai tây đông).

###### b) Làm đất, lên luống

Đất được cày, bừa kỹ, nhỏ tơi và kết hợp thu gom gốc rạ, cỏ rác nhằm hạn chế sâu bệnh.

- Lên luống: Có 2 phương thức:

+ Luống đơn trồng 1 hàng: Lên luống rộng 60 - 70 cm.

+ Luống đôi trồng 2 hàng: Lên luống rộng 120 - 140 cm.

Rãnh luống rộng từ 30 - 40 cm, sâu từ 15 - 20 cm.

##### 3. Xử lý giống

- Bỏ củ: Với kích cỡ củ giống to (thường đường kính củ trên 4,5 cm) thì nên tiến hành bỏ củ giống. Tùy kích cỡ củ mà tiến hành bỏ làm đôi hoặc làm ba. Cách bỏ và xử lý củ giống như sau:

+ Dùng dao sắc, lưới mỏng để cắt. Trước mỗi lần cắt bắt buộc phải nhúng lưới dao vào cồn có nồng độ cao hoặc nước xà phòng đậm đặc nhằm ngăn chặn nấm làm cho củ bị thối.

+ Xác định mỗi miếng bỏ có từ 2 - 3 mầm, thường bỏ dọc củ. Ngay sau khi bỏ xong, chấm ngay phần cắt vào bột xi-măng khô và không để bột xi-măng bám nhiều sẽ hút nước làm củ giống dễ khô, héo.

+ Khoai tây giống sau khi bỏ rải đều, phủ tải ẩm lên trên để giữ ẩm. Không để đóng sẽ dễ bị thối. Chú ý phải để nơi thoáng mát.

- Tùy theo điều kiện ruộng sản xuất, có thể đưa giống ra ruộng trồng với thời gian tối thiểu 12 giờ và tối đa 1 tuần sau khi bỏ củ.

- Giống đưa ra ruộng trồng tốt nhất là khi mầm hơi nhú, không nên để mầm mọc dài vì như vậy khi trồng dễ bị gãy mầm.

Chú ý: Khoai giống chưa trồng ngay tuyệt đối không được tưới nước. Trường hợp muốn mầm mọc nhanh thì cho khoai vào thùng, phủ tải hoặc rơm rạ hơi ẩm lên trên để nơi thoáng mát, khô ráo, tránh độ ẩm cao khoai dễ bị thối.

##### 4. Mật độ và cách trồng

###### a) Mật độ

Tùy theo kích cỡ củ giống để xác định mật độ trồng. Với 1 m<sup>2</sup> trồng:

- Loại củ nhỏ: Khoảng 10 củ, cách nhau 17 - 20 cm

- Loại củ trung bình: Trồng 6 - 7 củ, cách nhau 25 - 30 cm.

###### b) Cách trồng

- Trước khi trồng, tiến hành rạch hàng theo chiều dọc luống, bón lót phân chuồng, lân và đạm xuống đáy rồi lấp 1 lớp đất mỏng lên trên (có thể thay thế phân chuồng bằng rơm rạ ủ hoại mục hoặc kết hợp cả hai loại tùy theo điều kiện và cân đối lượng phân

chuồng/rom rạ đã chuẩn bị). Nếu đất khô thì phải tưới nước trước khi bón phân để cây mọc nhanh.

- Đặt củ giống theo khoảng cách như nêu trên, đặt mầm nằm ngang, lấp một lớp đất dày 3 - 5 cm phủ lên củ. Rải một lớp rom rạ đã được cắt ngắn để vừa giữ độ ẩm, khi tưới ẩm, nước tưới không làm xói, trôi lớp đất phủ phía trên.

**Chú ý:** Khi trồng không để rom rạ bị quá ẩm hoặc đất quá khô. Khi đặt củ tránh để củ tiếp xúc với phân bón, nhất là phân hóa học sẽ làm củ giống dễ bị chết.

**5. Phân bón**

- Lượng phân bón cho 1 ha:

TT	Loại phân	Lượng bón (kg)		Ghi chú
		Tính cho 1 ha	Quy sào Bắc bộ	
1	Urê	250 - 280	9 - 10	
2	Lân supe	450 - 500	16 - 18	
3	Kali clorua	200 - 250	7 - 9	
4	Phân chuồng hoai mục/ Hữu cơ sinh học	15.000 - 17.000	500 - 600	Phân hữu cơ sinh học bón với lượng 1/10 phân chuồng
5	Vôi bột	450 - 500	16 - 18	

- Cách bón: Có 2 cách bón sau:

+ Cách 1: Bón lót toàn bộ phân chuồng hoai mục + 100% lân supe + 100% vôi + 70% urê + 70% kali clorua. Bón thúc toàn bộ lượng urê và kali còn lại khi vun xới lần 2.

+ Cách 2: Bón lót toàn bộ phân chuồng + 100% lân supe + 100% vôi + 30% urê + 30% kali clorua. Bón thúc làm 2 lần, mỗi lần 1/2 lượng phân còn lại, thời điểm bón mỗi lần cách nhau 15 - 20 ngày, kết hợp với các đợt vun xới lần 2 và lần 3.

- Có thể sử dụng rom rạ ủ hoai mục thay thế một phần phân hữu cơ để bón lót cho khoai tây rất tốt. Lượng sử dụng khoảng 3 - 4 sào rom rạ/1 sào trồng khoai tây.

Cách ủ: Rom rạ sau khi thu hoạch trộn với vôi bột với lượng 300 - 400 kg/ha (10 - 15 kg/sào Bắc bộ). Sau đó chất thành đống, để ẩm cho rom rạ nhanh mục. Ngoài ra có thể dùng chế phẩm Fito-Biomix RR để xử lý rom rạ, ủ sau 30 ngày là có thể sử dụng được.

**6. Chăm sóc**

a) *Vun xới kết hợp bón thúc*

- Chăm sóc lần 1: Sau trồng 7 - 10 ngày tiến hành vun xới nhẹ, lấp thêm đất vào gốc, kết hợp bón thúc lần 1 và vun luống. Chú ý phân bón thúc

phải bón vào mép luống hoặc giữa 2 khóm khoai, tuyệt đối không bón trực tiếp vào gốc khoai làm cây chết. Lần chăm sóc này kết hợp tỉa cây, nên để lại mỗi khóm từ 3 - 5 thân mập, khỏe.

- Chăm sóc lần 2: Sau trồng 20 - 25 ngày thì tiến hành xới sâu, vun cao luống và kết hợp bón thúc lần 2.

- Chăm sóc lần 3: Sau trồng 35 - 40 ngày tiến hành xới nhẹ, kết hợp làm cỏ. Tiến hành vét rãnh và lấy đất ở rãnh để vun luống thật cao, định hình luống lần cuối sao cho luống cao, dày.

**Chú ý:** Nếu chỉ bón thúc một lần duy nhất thì sẽ bón thúc trong lần chăm sóc thứ 2.

b) *Tưới nước*

Có 2 cách tưới:

- Tưới rãnh: Dẫn nước vào rãnh để nước thấm từ từ vào luống, tưới đủ ẩm, không để đọng nước trong rãnh. Trong khoảng 60 - 70 ngày sau khi trồng có 3 lần tưới nước. Kết hợp tưới nước cùng với các lần chăm sóc.

**Chú ý:** Để nước không đọng tại rãnh thì đối với đất cát pha cho ngập 1/2 luống, với đất thịt nhẹ cho ngập 1/3 luống.

- Tưới gánh: Là cách tưới không tưới nước trực tiếp vào gốc cây (tưới xung quanh gốc). Khi tưới, kết hợp tưới cùng với phân đạm và kali bằng cách hòa chung với nước với lượng phân ít (10 lít nước chỉ pha mỗi loại phân 1 nắm nhỏ).

**Chú ý:** Trước khi thu hoạch khoảng 2 tuần, cần để đất khô ráo. Tránh để nước vào ruộng, nếu mưa phải kịp thời tháo kiệt nước.

(Xem tiếp số 10/2015)

**TTKNQG**





## TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

**Hỏi:** Gia đình tôi nuôi 300 con ngan được 1 tuần, hình thức nuôi nhốt, nuôi thương phẩm. Hiện ngan bị ủ rũ, dồn đống với nhau, kém ăn, và chết, bị 40 con trong 3 ngày, hiện đang dùng thuốc Bcomlex. Xin hỏi nguyên nhân và cách khắc phục?

Nguyễn Đắc Tuyên  
Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội

**Đáp:** Bệnh do vi khuẩn *E. coli* gây nên

\* **Điều trị:** bệnh có thể dùng một trong các thuốc sau (trộn thức ăn hoặc nước uống): Gentadox, Gentacostrim, Doxygen; hoặc tiêm Gentamicin, Lincospecto liều theo hướng dẫn sử dụng.

Kết hợp bổ sung vitamin; khi hết liệu trình kháng sinh, bổ sung men tiêu hoá để tăng vi sinh vật có lợi đường ruột của ngan, tăng khả năng tiêu hoá thức ăn; tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng và vệ sinh sát trùng chuồng nuôi và khu vực chăn nuôi.

**\* Phòng bệnh:**

- Mua giống ở những cơ sở uy tín, chất lượng. Vệ sinh chuồng trại, phun sát trùng trong, ngoài chuồng nuôi theo định kì.

- Đảm bảo vệ sinh thức ăn và nước uống.

- Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, bổ sung các vitamin.

**Hỏi:** Cây cải bắp bị sâu tơ phá hoại, xin hỏi cách xử lý như thế nào?

Trần Xuân Hằng,  
Đắk Liêng, tỉnh Đắk Lắk

**Đáp:**

Trong phòng trừ sâu bệnh, trước hết là phải áp dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp IPM. Có 2 nguyên tắc quan trọng nhất là:

+ Thứ nhất là trồng cây khỏe: Phải đảm bảo gieo trồng đúng thời vụ, đúng mật độ, chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, giúp cho cây sinh trưởng khỏe chống chịu tốt hơn với sâu bệnh.

+ Thứ 2 là phải bảo vệ thiên địch, chúng giúp con người tiêu diệt sâu hại, đó là các loài côn trùng như: bọ rùa đỏ, kiến 3 khoang, ong mắt đỏ, nhện ăn thịt... Muốn bảo vệ được thiên địch thì chúng ta không được phun thuốc trừ sâu bừa bãi. Chỉ phun thuốc khi sâu bệnh xuất hiện với mật độ cao trên ngưỡng kinh tế.

**\* Biện pháp phòng trừ đối với sâu tơ:**

- Tiêu hủy tàn dư cây trồng sau thu hoạch. Trồng xen một số cây tiết ra mùi khó chịu để ngăn ngừa bướm sâu tơ như hành, tỏi. Tăng cường tưới phun mưa lúc chiều mát là biện pháp hữu hiệu hạn chế sâu tơ bắt cặp và đẻ trứng. Bảo vệ các loài thiên địch của sâu tơ như ong ký sinh, bọ đuôi kim...

- Kiểm tra đồng ruộng và chỉ phun thuốc khi mật độ sâu non trung bình 2 con/cây ở giai đoạn 2 - 3 tuần sau trồng, 3 con trở lên ở giai đoạn 4 - 7 tuần sau trồng. Không phun thuốc khi sâu chưa xuất hiện ở ngưỡng trên.

- Sâu tơ có khả năng kháng thuốc cao nên cần sử dụng luân phiên một số loại thuốc để tránh sâu bị nhờn thuốc.

+ Một số thuốc có thể dùng như: *Bacillus thuringiensis* var. (Delfin WG (32BIU), Biocin 16WP);

+ *Pegasus 500SC*; *Sec Saigon 5ME-10M*; *Angun 5WDG*;

+ Nhóm Abamectin (*Abatin 1.8 EC*, *5.4 EC*, *Agromectin 1.8 EC*, *Alfatin 1.8 EC*, *Shertin 1.8EC*, *3.6EC*, *5.0EC*, ...);

+ *Abamectin + Emamectin benzoate* (TC-Năm Sao 20EC, 35EC);

+ *Abamectin + Matrine* (*Miktox 2.0 EC*).

Phải đảm bảo thời gian cách ly, phun thuốc trước khi thu hoạch từ 10 đến 15 ngày theo khuyến cáo của từng loại thuốc.

**Hỏi:** Ao rộng 100 m<sup>2</sup>, nước sâu 1,5 m thả cá trê lai được 1,5 kg, bị lở loét khắp người như đồng xu, thối thịt, đã bị 1 tuần, chưa dùng thuốc, thỉnh thoảng cho nước ra vào và cho ăn cám nấu chín. Xin hỏi cách khắc phục?

Đặng Thái Văn Hiệp  
An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình

**Đáp:**

**\* Nguyên nhân:**

Nước ao bị ô nhiễm do không thay nước định kỳ, cá trê bị lở loét, đốm đỏ.

**\* Cách khắc phục:**

- Phòng bệnh:

+ Thay nước thường xuyên 5 - 7 ngày 1 lần để nước không bị ô nhiễm. kết hợp cho ăn bổ sung Vitamin C và men tiêu hóa.

+ Bón vôi định kỳ 2 - 4 kg/100 m<sup>3</sup> nước, 10 - 15 ngày/lần.

- Trị bệnh: Sử dụng 1 trong các cách sau đây:

+ Trộn Oxytetracycline vào thức ăn cho cá ăn với liều lượng 10 - 20 g/100 kg cá, cho ăn liên tục trong 3 - 5 ngày.

+ Tắm nước muối 3% trong thời gian 15 phút.

+ Trộn thuốc Tetracycline vào thức ăn cho cá ăn với liều lượng 10 g/100 kg cá, cho ăn liên tục trong 3 - 5 ngày.

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

### XUẤT KHẨU NHUYỄN THỂ HAI MẢNH VỎ GIẢM NHỆ

Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, xuất khẩu (XK) nhuyễn thể hai mảnh vỏ trong 8 tháng đầu năm nay đạt giá trị 53,17 triệu USD, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2014. Riêng tháng 8/2015, XK nhuyễn thể hai mảnh vỏ đạt giá trị 6,69 triệu USD, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2014.

EU là thị trường nhập khẩu (NK) nhuyễn thể hai mảnh vỏ lớn nhất, chiếm 65,3% tỷ trọng. Tuy nhiên, trong 8 tháng đầu năm nay, XK nhuyễn thể hai mảnh vỏ sang EU đạt giá trị 34,72 triệu USD, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm 2014. Nhật Bản là thị trường NK nhuyễn thể hai mảnh vỏ lớn thứ 2, chiếm 12,2% tỷ trọng. ASEAN là thị trường NK nhuyễn thể hai mảnh vỏ đứng thứ 4, chiếm 5,6% tỷ trọng. Riêng XK nhuyễn thể hai mảnh vỏ sang Trung Quốc và đặc khu hành chính Hồng Kông hiện chỉ chiếm 1,9% tỷ trọng, nhưng đây lại là thị trường có mức tăng trưởng cao. Trong 8 tháng đầu năm nay, tổng kim ngạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ XK sang Trung Quốc và đặc khu hành chính Hồng Kông đạt 1,01 triệu USD, tăng 203% so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo dự báo của doanh nghiệp, XK nhuyễn thể hai mảnh vỏ sẽ tiếp tục giảm ở thị trường EU nhưng lại tăng ở thị trường Trung Quốc, đặc khu hành chính Hồng Kông trong những tháng cuối năm nay.

Theo Vinanet

### ẤN ĐỘ XẢ BÁN TIÊU KÉM CHẤT LƯỢNG KHIẾN TIÊU VIỆT NAM RÚT GIÁ

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, giá thu mua hạt tiêu trong nước cuối tháng 9 đang giảm. Mặc dù nguồn cung hồ tiêu trên thị trường thế giới vẫn đang thắt chặt, nhưng giá tiêu tại Ấn Độ giảm những ngày qua do nước này xả bán loại tiêu bị cáo buộc nhiễm bẩn đã kéo giá tiêu của Việt Nam xuống theo.

Theo đó, giá thu mua tiêu tại các tỉnh trồng tiêu trọng điểm Gia Lai, Bà Rịa Vũng Tàu, Đắk Lắk, Bình Phước chỉ ở mức 193.000 - 198.000 đồng/kg, trung bình giảm 6.000 - 7.000 đồng/kg so với tháng trước. Trong 9 tháng đầu năm nay, thị trường tiêu Việt Nam luôn nóng, giá biến động trước những thông tin về nguồn cung đưa ra thị trường. Có thời điểm, nông dân trồng tiêu trữ hàng chờ giá tăng cao. Tuy nhiên, đến thời điểm này, nông dân trồng tiêu đã bán đi khá nhiều và lượng trữ lại chỉ còn khá ít.

Về tình hình xuất khẩu, khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 9 năm 2015 ước đạt 7 nghìn tấn, với giá trị đạt 66 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 9 tháng đầu năm 2015 lên 110 nghìn tấn với giá trị 1,04 tỷ USD, giảm 21,2% về khối lượng và giảm 1,3% về giá trị. Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam là Hoa Kỳ, các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất và Singapore với 37,89% thị phần. Các thị trường có giá trị tăng mạnh là Đức (35,27%), Hàn Quốc (53,34%), Tây Ban Nha (27,79%) và Anh (24,23%).

Theo Vinanet

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

### GIÁ GẠO TOÀN CẦU

#### CÓ THỂ TĂNG 15 - 20% DO EL NINO

Thời tiết khô hạn do hiện tượng El Nino và lượng gạo tồn kho giảm có thể sẽ đẩy giá gạo tăng cao trong những tháng sắp tới, đảo ngược xu hướng giảm liên tục trong mấy năm qua - Wall Street Journal cho hay.

Giá gạo đã đạt đỉnh vào năm 2012 và giảm từ đó đến nay do tình trạng dư thừa nguồn cung, đặc biệt là của nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới Thái Lan. Tuy nhiên, với điều kiện thời tiết khô hạn và mối lo về chất lượng gạo Thái sau nhiều năm tích trữ trong kho đang dẫn tới kỳ vọng giá gạo sớm đảo chiều. "Thế giới đang ở trong một đợt El Nino mạnh. Tình hình thời tiết này có thể ảnh hưởng bất lợi lớn đến sản lượng gạo của Indonesia và Philippines. Vì vậy, giá gạo có thể sắp tăng cao hơn", ông David Dawe, chuyên gia kinh tế cấp cao của Tổ chức Nông Lương Liên hiệp quốc (FAO) khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhận xét.

Theo dự báo, năm nay El Nino có thể sẽ ảnh hưởng lớn tới lượng xuất khẩu gạo của thế giới. Ấn Độ, quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ nhì thế giới, có lượng mưa trung bình thấp hơn hàng năm, dẫn tới lo ngại sản lượng gạo sẽ thấp hơn bình thường. Tại Thái Lan, thời tiết khô hạn và nhiệt độ cao cũng có thể cản trở quá trình sinh trưởng của cây lúa. Trong 9 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của Thái Lan đã giảm 18% so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo VnEconomy

### SẢN LƯỢNG SỮA NEW ZEALAND

#### DỰ BẢO GIẢM MẠNH NHẤT HƠN 20 NĂM

Ngân hàng New Zealand (BNZ) vừa dự báo, sản lượng sữa niên vụ 2015 - 2016 của nước này có thể giảm 6%, tốc độ giảm mạnh nhất kể từ những năm 1990.

Trước đó, tập đoàn sữa lớn nhất của New Zealand, Fonterra, cũng dự báo sản lượng sữa niên vụ 2015 - 2016 giảm 5%, thay vì 2% như dự báo trước đó. Theo dữ liệu của BNZ, trong vòng 1 thế kỷ qua, sản lượng sữa của New Zealand mới chỉ giảm 3 vụ, nhưng không bao giờ vượt quá 3%. Sờ dĩ sản lượng sữa giảm mạnh là do điều kiện thời tiết khô hạn cũng như giá sữa chạm đáy 13 năm khiến người nông dân không hào hứng với công việc chăn nuôi bò sữa và chuyển sang nuôi trồng những sản phẩm nông nghiệp truyền thống.

Thêm vào đó, giá thịt bò tăng khiến số bò giết mổ tăng. 8 tháng đầu năm 2015, số bò giết mổ chiếm tới 21% tổng lượng bò của New Zealand. Hiện giá thịt bò đạt mức 4,50 USD/kg (2,54 euro/kg), tăng 3 USD/kg (1,7 euro/kg) trong tháng 9/2014.

Theo AgriMoney